

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM VĂN SÍNH

**CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM VĂN SÍNH

**CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRẦN VĂN LUYỆN

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Phạm Văn Sính

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Các chữ các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm các tội xâm phạm bí mật nhà nước	8
1.1.1. Khái niệm bí mật nhà nước	8
1.1.2. Phân biệt bí mật nhà nước với bí mật công tác, bí mật công tác quân sự	13
1.1.3. Phân loại bí mật nhà nước	14
1.1.4. Hậu quả khi bí mật nhà nước bị tiết lộ	15
1.1.5. Khái niệm tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước	15
1.1.6. Khái niệm tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước	17
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm bí mật nhà nước	18
1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985	18
1.2.2. Các tội xâm phạm bí mật nhà nước trong Bộ luật hình sự năm 1985	22
Kết luận chương 1	25

Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	26
2.1. Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm bí mật nhà nước	26
2.1.1. Khách thể của tội phạm.....	26
2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm	29
2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm	41
2.1.4. Chủ thể của tội phạm.....	42
2.2. Hình phạt	45
2.2.1. Khung hình phạt cơ bản	45
2.2.2. Khung hình phạt tăng nặng	45
2.2.3. Hình phạt bổ sung	46
2.3. Thực tiễn áp dụng	47
2.3.1. Thực trạng lộ, mất bí mật nhà nước	47
2.3.2. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	51
2.3.3. Định tội danh.....	53
2.3.4. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	59
2.3.5. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung	65
2.3.6. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước	68
Kết luận chương 2	70
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC	71
3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm bí mật nhà nước	72

3.1.1.	Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 263.....	72
3.1.2.	Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 264.....	74
3.1.3.	Kiến nghị xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước.....	75
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm bí mật nhà nước	77
3.2.1.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước	77
3.2.2.	Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	79
3.2.3.	Nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	82
3.2.4.	Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	85
3.2.5.	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	88
3.2.6.	Nâng cao vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các phương tiện truyền thông đại chúng trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm bí mật nhà nước	90
	KẾT LUẬN	93
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95
	PHỤ LỤC	98

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BMNN:	Bí mật nhà nước
UBND:	Ủy ban nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa
BLHS:	Bộ luật hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG PHỤ LỤC

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 2.1:	Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2004	98
Bảng 2.2:	Thống kê số bị cáo đã xử năm 2004	98
Bảng 2.3:	Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2004	98
Bảng 2.4:	Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2005-2006	99
Bảng 2.5:	Thống kê số bị cáo đã xử năm 2005-2006	99
Bảng 2.6:	Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2005-2006	99
Bảng 2.7:	Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2007-2010	100
Bảng 2.8:	Thống kê số bị cáo đã xử năm 2007-2010	100
Bảng 2.9:	Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2007-2010	100
Bảng 2.10:	Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2011-2014	101
Bảng 2.11:	Thống kê số bị cáo đã xử năm 2011-2014	101
Bảng 2.12:	Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2011-2014	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được những thành tựu quan trọng: Chính trị ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, quan hệ hợp tác đối ngoại được mở rộng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của đất nước, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tiến hành các hoạt động chống phá, thu thập BMNN, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa đối với Việt Nam. Trong bối cảnh đó, công tác bảo vệ BMNN càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tình trạng lộ, mất BMNN vẫn diễn biến phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, gây thiệt nghiêm trọng về chính trị, đối ngoại, kinh tế, an ninh, quốc phòng... Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Theo đó, hành vi xâm phạm BMNN đủ yếu tố cấu thành tội phạm sẽ bị xử lý theo quy định BLHS năm 1999 tại Điều 263 (tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN); Điều 264 (tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN). Công tác xử lý bằng pháp luật hình sự đối với hành vi xâm phạm BMNN còn ít so với vụ, việc lộ, mất BMNN đã xảy ra. Thống kê xét xử cho thấy, từ năm 2004 đến năm 2014, Tòa án nhân dân các cấp mới thụ lý, xét xử 53 vụ án, với 177 bị cáo xâm phạm BMNN theo quy định của pháp luật hình sự [24]; [25].

Bên cạnh đó, thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm BMNN theo Luật hình sự nước ta còn nảy sinh một số vướng mắc, bất cập chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn áp dụng của các cơ quan chức năng, như: Vấn đề định tội danh, hành vi tiêu hủy tài liệu BMNN, chiếm đoạt tài liệu BMNN; gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng... Những vướng mắc, bất cập nêu trên đã gây khó khăn, lúng túng trong áp dụng các quy định của Luật hình sự trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm BMNN. Hiện nay, trong nước đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về công tác bảo vệ BMNN, nhưng chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu có hệ thống, toàn diện và sâu sắc về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam trên cả phương diện lý luận cũng như thực tiễn áp dụng.

Để làm sáng tỏ mặt lý luận, nguyên nhân, hạn chế của việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này và hoàn thiện pháp luật, kiến nghị những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Luật hình sự Việt Nam năm 1999 đối với các tội xâm phạm BMNN là vấn đề quan trọng và mang tính cấp thiết. Vì vậy, học viên chọn đề tài ***"Các tội xâm phạm bí mật nhà nước trong Luật Hình sự Việt Nam"*** làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Công tác bảo vệ BMNN là công tác được nhiều quốc gia coi trọng, tuy nhiên do điều kiện có hạn nên tác giả chưa có điều kiện nghiên cứu sâu để tham khảo các công trình khoa học của các nước liên quan đến lĩnh vực này.

Ở nước ta, cho đến nay đã có bốn đề tài khoa học cấp Bộ, hai đề tài cấp cơ sở, một Luận án tiến sĩ, một luận văn thạc sĩ nghiên cứu liên quan đến công tác bảo vệ BMNN và hơn sáu mươi bài viết đăng trên Tạp chí Công an nhân dân, Tạp chí khoa học và Chiến lược Công an, cụ thể:

Đề tài khoa học cấp Bộ: *"Giải pháp của lực lượng An ninh nhân dân*

nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong lĩnh vực kinh tế trọng điểm ở Việt Nam hiện nay” của PGS.TS Đỗ Hữu Vần, Trưởng khoa đào tạo, Học viện An ninh nhân dân (bảo vệ năm 2005).

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Công tác bảo vệ BMNN của lực lượng An ninh - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* của PGS.TS Đặng Văn Đoài, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học An ninh nhân dân (bảo vệ năm 2009).

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong lực lượng Công an nhân dân”* của Thiếu tướng Ma Văn Kỳ, Phó Chánh Thanh tra Bộ Công an (bảo vệ năm 2011).

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế áp dụng pháp luật về bảo vệ BMNN trong tình hình hiện nay”* của Đại tá Phạm Văn Trung, Phó Cục trưởng Cục Tham mưu An ninh, Tổng cục I, Bộ Công an (đề tài đang nghiên cứu).

Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Công tác bảo vệ BMNN của lực lượng An ninh trong lĩnh vực an ninh truyền thông”* của Ths Mai Tùng Lâm, Phó Trưởng phòng 4/V11, Bộ Công an (bảo vệ năm 2012).

Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN của lực lượng Công an nhân dân - Thực trạng và giải pháp”* của Ths Đặng Thị Hồng Nhung, Phó Trưởng phòng Cục Tham mưu An ninh, Tổng cục I, Bộ Công an (bảo vệ năm 2014).

Luận án tiến sĩ: *“Bảo vệ BMNN ở các ban Đảng - Thực trạng và giải pháp”* của nghiên cứu sinh Nguyễn Kim Hồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội (bảo vệ năm 2008).

Luận văn thạc sĩ: *“Phòng, chống lộ, lọt BMNN trong lực lượng Công an nhân dân qua các phương tiện thông tin, liên lạc”* của Ths Mai Tùng Lâm, Phó Trưởng phòng 4/V11, Bộ Công an (bảo vệ năm 2012).

Ngoài ra, một số tác giả cũng đã công bố những bài báo khoa học có đề

cập đến công tác bảo vệ BMNN, như: Tăng cường công tác bảo vệ BMNN trong tình hình mới của Giáo sư, Tiến sĩ Trần Đại Quang, Bộ trưởng Bộ Công an; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ BMNN trong tình hình mới của Trung tướng Trần Văn Thành, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục I, Bộ Công an; Một số ý kiến về truy xét, truy tìm các vụ lộ, mất BMNN của Đại tá Nhữ Quốc Sỹ, Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, Tổng cục I, Bộ Công an; Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án làm lộ BMNN của ông Vũ Trọng Thương, Phó Vụ trưởng Vụ 2, Viện kiểm sát nhân dân tối cao...

Tuy nhiên, các đề tài, luận án, luận văn và các bài viết nêu trên chủ yếu đề cập và giải quyết những vấn đề nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong từng lĩnh vực cụ thể: Bảo vệ BMNN ở các ban Đảng; bảo vệ BMNN trong lực lượng Công an nhân dân; bảo vệ BMNN trong lĩnh vực kinh tế trọng điểm; bảo vệ BMNN trong lĩnh vực thông tin, liên lạc hoặc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ BMNN... Chưa có đề tài nào nghiên cứu về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam. Vì vậy, có thể khẳng định, đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này và việc nghiên cứu đề tài *“Các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam”* là đòi hỏi khách quan, có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng pháp luật trong thực tiễn, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Trên cơ sở kết quả tổng hợp các quan điểm của các tác giả trong nước về bảo vệ BMNN và tội xâm phạm BMNN, luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về bảo vệ BMNN như: Khái niệm BMNN, đặc điểm của BMNN; tội xâm phạm các BMNN trong Luật hình sự Việt Nam.

- Khái quát lịch sử phát triển của pháp luật hình sự của nước ta từ năm 1945 đến nay về các tội xâm phạm BMNN và dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm BMNN theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để rút ra những nhận xét, đánh giá.

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội xâm phạm BMNN, từ đó phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng pháp luật và những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

- Kiến nghị, đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong BLHS Việt Nam năm 1999 cũng như những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh các quy định về các tội xâm phạm BMNN trong luật hình sự Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu, đánh giá tình hình áp dụng pháp luật trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Luận văn nghiên cứu trong phạm vi toàn quốc.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong 10 năm (2004-2014).

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng VIII, IX, X, XI và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thống kê, điều tra xã hội học, phương pháp chuyên gia để tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên và có hệ thống ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam; giải quyết nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan các tội xâm phạm BMNN trong luật hình sự Việt Nam. Những điểm mới cơ bản của luận văn là:

- Tổng hợp các quan điểm khoa học trong nước về BMNN, đặc điểm của BMNN để xây dựng khái niệm các tội xâm phạm BMNN;
- Nghiên cứu chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển các tội xâm phạm BMNN trong luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay;
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; tồn tại,

hạn chế và nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN;

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích cho các nhà lập pháp, các nhà nghiên cứu; cán bộ giảng dạy pháp luật, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên tại các cơ sở đào tạo luật, các trường Công an nhân dân. Kết quả nghiên cứu của luận văn còn phục vụ cán bộ đang công tác tại các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan Thi hành án trong quá trình giải quyết vụ án hình sự được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm các tội xâm phạm bí mật nhà nước

1.1.1. Khái niệm bí mật nhà nước

Trong giai đoạn từ năm 1948 đến năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều bài viết liên quan đến BMNN đăng trên các báo của nước ta: Ngày 30 tháng 7 năm 1948, Bác viết bài “Giữ bí mật” đăng trên báo Sự Thật (Số 97, bút danh A.G). Trong bài viết này, Bác nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác giữ bí mật, phân tích nguyên nhân dẫn đến lộ, lọt bí mật và yêu cầu cơ quan, tổ chức, cán bộ phải nêu cao cảnh giác, có ý thức bảo mật và giáo dục, vận động nhân dân tham gia bảo mật, phòng gian. Ngày 01 tháng 6 năm 1950, Bác viết bài “Phải giữ bí mật” đăng trên báo Sự Thật (Số 134, bút danh X.Y.Z) khẳng định giữ bí mật là nhiệm vụ thiêng liêng, cao cả, thể hiện trách nhiệm của mỗi người đối với Tổ quốc, Chính phủ và nhân dân. Ngày 10 tháng 01 năm 1952, Bác viết bài “Giữ bí mật”, ký tên C.B đề cập đến việc phải hết sức giữ gìn bí mật trước các hoạt động tình báo, gián điệp của kẻ địch; kêu gọi cán bộ và chiến sĩ phải gương mẫu trong việc giữ gìn bí mật; đồng thời tuyên truyền và giáo dục nhân dân giữ bí mật. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, trước nguy cơ kẻ địch phá hoại, không thực hiện nghiêm túc Hiệp định, ngày 01 tháng 02 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài: “*Phải giữ bí mật của Nhà nước*” đăng trên báo Nhân Dân. Nội dung bài báo khẳng định trách nhiệm bảo vệ bí mật của Nhà nước là của toàn dân, trước hết là trách nhiệm của cán bộ các cơ quan, các đoàn thể. Người phân tích, chỉ rõ những khuyết điểm, nguyên nhân để xảy ra lộ, lọt bí mật, phê phán sự chủ quan, lơ là, mất cảnh

giác của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ. Người đặc biệt cảnh báo tình trạng “một số ít người, vì lập trường không vững, chí khí ươn hèn, bị tiền tài, ăn uống, gái đẹp quyến rũ mà sa vào cạm bẫy của địch, tiết lộ bí mật cho địch” và yêu cầu các cơ quan, đoàn thể phải chú trọng công tác giáo dục, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm quy định bảo mật.

Nghiên cứu các bài báo, bài viết và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể rút ra khái niệm về BMNN của Bác rất ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu, dễ nhớ: *"Bí mật là những gì mà để tiết lộ ra thì có hại cho ta, có lợi cho địch"* và Bác luôn nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ, báo chí và nhân dân phải tuyệt đối giữ bí mật để ngăn ngừa địch và tay sai dò xét, đánh cắp bí mật gây thiệt hại cho cách mạng.

Theo Từ điển Tiếng Việt (tr.102): *"Bí mật là điều cần giữ kín trong phạm vi một số ít người, không để lộ cho người ngoài biết"* [18]. Điều 2 Sắc lệnh số 69/SL ngày 10/12/1951 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định: *"Bí mật quốc gia là những việc, những tài liệu, những địa điểm và những điều gì mà để tiết lộ ra thì có hại cho ta, có lợi cho địch"* [9]. Như vậy, đến năm 1951 khái niệm BMNN chính thức được đưa vào văn bản quy phạm pháp luật và được sử dụng bằng thuật ngữ “bí mật quốc gia”.

Kế thừa quy định của Sắc lệnh số 69, Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991 quy định:

BMNN là những tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [27].

Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991 đã kế thừa một số thuật ngữ trong khái niệm “bí mật quốc gia” quy định trong Sắc lệnh số 69 để phát triển định nghĩa về BMNN đầy đủ và toàn diện hơn, bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đáng chú ý, Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991 đã thay cụm từ “bí mật quốc gia” bằng cụm từ “BMNN” và cụm từ này đã được sử dụng thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ BMNN và pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm BMNN.

Qua chín năm triển khai thực hiện, một số quy định của Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991 đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập; không theo kịp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngày 28 tháng 12 năm 2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X đã ban hành Pháp lệnh Bảo vệ BMNN thay thế Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991. Tại Điều 1, Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 quy định:

BMNN là những tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam [28].

Khái niệm về BMNN trong Pháp lệnh năm 2000 cơ bản vẫn kế thừa khái niệm BMNN quy định trong Pháp lệnh năm 1991, chỉ bổ sung cụm từ “đối ngoại” trong khái niệm. Từ năm 2000, khái niệm BMNN quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ BMNN được sử dụng thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật; giáo trình giảng dạy trong các trường Công an nhân dân; bài giảng tập huấn về công tác bảo vệ BMNN của các Bộ, ngành, địa phương trên toàn quốc.

Phân tích khái niệm BMNN quy định tại Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000, có thể khẳng định BMNN là tài sản quốc gia có giá trị đặc biệt, quan hệ

trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển, ổn định, sự vững mạnh của Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là những thông tin, tài liệu cần được giữ kín, không công khai, nếu bị tiết lộ sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, xã hội, gây ra hậu quả rất khó khắc phục; tồn tại phong phú, đa dạng dưới nhiều hình thức, trên nhiều phương tiện khác nhau (lời nói, văn bản, băng, đĩa, ổ cứng, USB, máy tính...); được lưu giữ, chuyển giao, sử dụng trong những phạm vi nhất định, liên quan đến nhiều người; là mục tiêu thu thập của các cơ quan đặc biệt nước ngoài, đối tượng xâm hại của các loại tội phạm; phạm vi BMNN luôn có sự thay đổi theo thời gian và sự phát triển kinh tế - xã hội.

Việc xác định những tin, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian... có phải là BMNN hay không cần căn cứ vào danh mục BMNN được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương sau khi thống nhất với Bộ Công an. Mỗi Bộ, ban, ngành, địa phương đều có những tin, tài liệu, vật... thuộc phạm vi BMNN khác nhau. Tuy nhiên, việc xác định tin, tài liệu, vật nào là Tuyệt mật, Tối mật và Mật phải căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ BMNN, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư (hoặc quyết định) của Bộ trưởng Bộ Công an về độ mật của tin, tài liệu, vật mang BMNN thuộc lĩnh vực công tác của mỗi Bộ, ban, ngành, địa phương. Như vậy, BMNN là những tin, tài liệu, vật được soạn thảo, lưu giữ, bảo quản tại các cơ quan, tổ chức. Những tin, tài liệu, vật này chúng ta có thể tiếp xúc, chuyển giao hàng ngày và được phổ biến bằng nhiều hình thức trong một phạm vi nhất định. Ví dụ: Tài liệu về chủ trương, đối sách của ta trong giải quyết vấn đề Biển Đông; tin, tài liệu về vụ án đang trong giai đoạn điều tra chưa công bố hoặc không công bố; bản dự thảo kết luận thanh tra về vụ, việc cụ thể chưa công bố; Đề thi, đáp án đề thi tốt nghiệp bậc phổ thông trung học

chưa công bố (chưa tổ chức thi, chấm thi); Đề thi, đáp án đề thi tuyển sinh các trường cao đẳng, đại học chưa công bố (chưa tổ chức thi, chấm thi)...

Có thể thấy ở thời kỳ nào thì BMNN vẫn luôn được coi là “tài sản” đặc biệt thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước quản lý, nắm giữ, bảo vệ, khai thác hoặc chuyển giao để phục vụ các hoạt động đối nội, đối ngoại của đất nước. BMNN có liên quan trực tiếp đến sự ổn định về chính trị, vững mạnh về quốc phòng - an ninh và phát triển bền vững về kinh tế - xã hội. Do đó, các thế lực thù địch, bọn tội phạm và các đối tượng xấu luôn tìm cách thu thập, khai thác BMNN nhằm gây nguy hại cho Nhà nước.

Ngày 24/9/2013, Ths Mai Tùng Lâm, Phó Trưởng phòng Bảo vệ BMNN và Pháp chế, Cục A82, Tổng cục An ninh II (Bộ Công an) có bài viết bàn về khái niệm BMNN, bí mật quốc gia đăng trên Tạp chí Cộng sản đưa ra quan niệm:

BMNN là tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói hoặc thể hiện dưới dạng khác có nội dung quan trọng cần được giữ kín theo quy định của pháp luật, nếu bị tiết lộ sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho lợi ích của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức khác [19].

Theo quan niệm này, khái niệm BMNN ngắn gọn hơn so với khái niệm tại Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm vẫn còn một số thuật ngữ chưa rõ, cần phải giải thích thêm hoặc dẫn chiếu đến văn bản pháp luật khác, như “được giữ kín theo quy định của pháp luật”, “thiệt hại nghiêm trọng”; thiếu chủ thể là Nhà nước bị thiệt hại khi BMNN bị tiết lộ.

Nghiên cứu các công trình khoa học và bài viết liên quan đến bảo vệ BMNN, các tác giả sử dụng chưa thống nhất thuật ngữ “BMNN”, “bí mật quốc gia”, kể cả trong các văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, chưa có tác giả

nào đưa ra khái niệm về BMNN đầy đủ và toàn diện hơn khái niệm BMNN được quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 đã nêu ở trên.

1.1.2. Phân biệt bí mật nhà nước với bí mật công tác, bí mật công tác quân sự

- Căn cứ pháp lý xác định BMNN, bí mật công tác, bí mật công tác quân sự: BMNN được xác định trên cơ sở danh mục BMNN được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành. Bí mật công tác được xác định trên cơ sở quy định của Thủ trưởng một cơ quan hành chính nhà nước nhất định. Bí mật công tác quân sự do Thủ trưởng cơ quan trong nội bộ Bộ Quốc phòng xác định. Văn bản xác định bí mật công tác, bí mật công tác quân sự không phải là văn bản quy phạm pháp luật mà là văn bản hành chính.

- Phạm vi: BMNN có phạm vi rộng hơn bí mật công tác, bí mật công tác quân sự. BMNN bao gồm các lĩnh vực của đời sống xã hội, như lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế...; bí mật công tác là những thông tin, tài liệu thuộc 01 lĩnh vực nhất định của cơ quan cụ thể; bí mật công tác quân sự là những thông tin, tài liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, do Bộ Quốc phòng quản lý.

- Trách nhiệm bảo vệ: Bảo vệ BMNN là trách nhiệm của các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và mọi công dân; bảo vệ bí mật công tác là trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan hành chính nhất định; bảo vệ bí mật công tác quân sự là trách nhiệm của quân nhân viên lực lượng Quân đội.

- Hậu quả khi bị tiết lộ: BMNN bị tiết lộ sẽ gây hậu quả nghiêm trọng hơn bí mật công tác, bí mật công tác quân sự. Việc lộ BMNN gây nguy hại cho nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; lộ bí mật công tác ảnh hưởng xấu đến 01 cơ quan nhất định; lộ bí mật công tác quân sự gây nguy hại

đến an ninh, quốc phòng, nếu nghiêm trọng hơn có thể gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Như vậy, BMNN, bí mật công tác, bí mật công tác quân sự đều là những thông tin, tài liệu bí mật, cần được giữ kín. Tuy nhiên do vị trí, tầm quan trọng khác nhau nên được bảo vệ bằng các biện pháp khác nhau và khi bị tiết lộ thì hành vi làm lộ BMNN sẽ bị xử lý nghiêm khắc hơn hành vi làm lộ bí mật công tác, bí mật công tác quân sự.

1.1.3. Phân loại bí mật nhà nước

- Căn cứ vào tính chất quan trọng của nội dung tin, tài liệu, vật, BMNN được chia làm ba mức độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật. Cụ thể: (1) Tuyệt mật là mức độ mật cao nhất trong phân loại độ mật của BMNN, bao gồm những tin, tài liệu, vật đặc biệt quan trọng, chỉ được phổ biến đến một số đối tượng nhất định (mật mã quốc gia, chiến lược bảo Tổ quốc...); (2) Tối mật là mức độ mật thứ hai sau độ Tuyệt mật trong phân loại độ mật của BMNN, bao gồm những tin, tài liệu, vật rất quan trọng, được phổ biến ở phạm vi rộng hơn tin, tài liệu, vật thuộc mức độ Tuyệt mật; (3) Mật là mức độ mật thứ ba sau độ Tuyệt mật và Tối mật trong phân loại độ mật của BMNN, bao gồm những tin, tài liệu, vật quan trọng được phổ biến ở phạm vi rộng, đến nhiều đối tượng. Những tin, tài liệu, vật thuộc 03 mức độ mật nêu trên được lưu giữ, bảo quản, bảo vệ chặt chẽ theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Nghiên cứu Luật Bảo vệ BMNN của Trung Quốc thì BMNN cũng được chia làm mức độ mật và nội hàm của các mức độ mật cũng tương tự như quan điểm của các nhà làm luật Việt Nam.

- Căn cứ vào lĩnh vực công tác, BMNN được phân loại thành nhiều lĩnh vực khác nhau, như: Lĩnh vực nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao, giáo dục, khoa học, y tế, tài chính, ngân hàng... Hiện nay Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký,

ban hành 52 danh mục BMNN của các bộ, ngành Trung ương và 01 danh mục BMNN chung cho các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Những văn bản này là cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương xác định BMNN thuộc cơ quan mình, quản lý, sử dụng để bảo vệ, phòng ngừa lộ, mất BMNN.

1.1.4. Hậu quả khi bí mật nhà nước bị tiết lộ

BMNN khi bị tiết lộ sẽ gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, tùy theo mức độ mật của từng BMNN hoặc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà hậu quả thiệt hại sẽ khác nhau. Theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000, BMNN bị tiết lộ sẽ gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Sự nguy hại ở đây có thể độc lập, chủ quyền quốc gia; sự tồn vong của chế độ XHCN; sự an nguy của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; tính mạng của quần chúng nhân dân; lợi ích kinh tế của đất nước...

Ví dụ: Đối tượng nguyên là cán bộ Công an của Huyện Đ, tỉnh L, từng làm công tác cơ yếu tại Công an huyện Đ. Khi nghỉ hưu, đối tượng này đã cộng tác với cơ quan đặc biệt nước ngoài, trong đó có cung cấp cho cơ quan này mật mã được sử dụng để mã hóa, truyền nhận thông tin trong lực lượng cơ yếu Công an nhân dân. Theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN thì đây là mật mã quốc gia thuộc độ Tuyệt mật, nếu nắm được những mật mã người sử dụng có thể mã hóa, giải mã toàn bộ thông tin khi truyền nhận. Do đó, các nội dung tài liệu chuyển nhận trong lực lượng Công an đã được cơ quan đặc biệt nước khai thác, sử dụng gây bất lợi cho ta trên phương diện ngoại giao, đảm bảo an ninh, trật tự... hậu quả là toàn bộ thông tin chuyển bằng con đường này đều bị lộ và Chính phủ đã phải thay tất cả bộ mã mới để đảm bảo an ninh, an toàn thông tin (gây thiệt hại về kinh tế nhiều tỷ đồng).

1.1.5. Khái niệm tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

Khoa học pháp lý hình sự Việt Nam chưa đưa ra khái niệm về tội cố ý

làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN. Qua nghiên cứu lý luận về công tác bảo vệ BMNN, các bài viết của một số tác giả và thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN, có thể đưa ra khái niệm về tội này như sau:

- Cố ý làm lộ BMNN là hành vi của một người nhận thức rõ hành vi của mình làm lộ BMNN, thấy trước hậu quả của hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra. Như vậy, một người nhận thức rõ hành vi của mình (bằng lời nói, chữ viết, sao chụp hoặc bất kỳ hình thức nào) làm lộ BMNN, thấy trước hành vi làm lộ BMNN gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, xã hội (tổn hại, tác động, ảnh hưởng đến lợi ích chính trị, đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước; vấn đề kinh tế, an ninh, quốc phòng...) nhưng mong muốn cho hậu quả xảy ra hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra.

- Chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi của một người chuyển dịch, mua bán, trao đổi hoặc bất kỳ hành vi nào làm cho tài liệu BMNN bị hủy hoặc không còn khả năng phục hồi. Qua khái niệm có thể thấy một người thực hiện hành vi chuyển dịch BMNN (bất kể hình thức nào) từ sở hữu hoặc thuộc quyền sở hữu, quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành sở hữu hoặc quyền quản lý bất hợp pháp của mình; hủy hoại hoặc làm hư hỏng làm cho tài liệu BMNN không còn giá trị sử dụng, không thể phục hồi thì phạm tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN.

Như vậy, Tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi của một người nhận thức rõ hành vi của mình làm lộ BMNN, thấy trước hậu quả của hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra; chuyển dịch, mua bán, trao đổi hoặc bất kỳ hành vi nào làm cho tài liệu BMNN bị hủy hoặc không còn khả năng phục hồi.

1.1.6. Khái niệm tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

Cũng như Tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, khoa học pháp lý hình sự Việt Nam chưa có khái niệm Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN. Trong phạm vi đề tài, tác giả đưa ra khái niệm về tội này như sau:

- Vô ý làm lộ BMNN là hành vi của một người tuy thấy trước hành vi của mình có thể làm lộ BMNN nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể được ngăn ngừa hoặc không thấy trước hậu quả đó dù pháp luật bắt buộc phải thấy trước hoặc có thể thấy trước. Một người thực hiện hành vi bằng bất kỳ hình thức nào (nói, viết, soạn thảo, truyền, gửi, chuyển giao...) làm cho tài liệu BMNN bị lộ, để người không có trách nhiệm biết được nội dung tin, tài liệu mật đó thì được coi là vô ý làm lộ BMNN.

- Làm mất tài liệu BMNN là hành vi thiếu trách nhiệm hoặc do cẩu thả nên để mất tài liệu BMNN. Tài liệu BMNN bị mất tức là cơ quan, tổ chức, cá nhân về mặt thực tế không còn quản lý tài liệu BMNN do mình quản lý, lưu giữ; việc bị mất thể hiện ở nhiều hành vi khác nhau, như để quên ở phòng họp, nhà hàng, khách sạn, phương tiện giao thông; để rơi hoặc bị bọn tội phạm lấy cắp, cướp giật...

Như vậy, có thể định nghĩa: Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN là hành vi của một người tuy thấy trước hành vi của mình có thể làm lộ BMNN nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể được ngăn ngừa hoặc không thấy trước hậu quả đó dù pháp luật bắt buộc phải thấy trước hoặc có thể thấy trước; là hành vi thiếu trách nhiệm hoặc do cẩu thả nên để mất tài liệu BMNN.

1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng và nhân dân ta đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa. Tuy nhiên, sau cách mạng tháng Tám năm 1945, công cuộc kháng chiến chống Pháp lại tiếp tục bước vào giai đoạn khó khăn, ác liệt. Công tác bảo mật, phòng gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định đến sự mất còn, sự thắng bại của cách mạng. Trong khoảng thời gian này, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự để bảo vệ thành quả cách mạng, như: Sắc lệnh quy định việc giải tán bọn đảng phái phản động đã tư thông với ngoại quốc âm mưu hại nền độc lập dân tộc và kinh tế nước ta; Sắc lệnh số 06 ngày 05/9/1945 được ban hành cấm nhân dân Việt Nam không được đăng lính, bán thực phẩm, dẫn đường, làm tay sai cho quân đội Pháp; Sắc lệnh số 21 ngày 21/3/1946 quy định về tội danh và hình phạt; Sắc lệnh số 113 ngày 20 tháng 01 năm 1953 trừng trị các loại Việt gian phản động và xét xử những âm mưu và hành động phản quốc; Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30 tháng 10 năm 1967... [26]. Một trong những nội dung được coi trọng là việc giữ bí mật về cơ quan công tác của Chính phủ, bí mật quốc gia. Các qui định của pháp luật trong thời kỳ này đã phản ánh tương đối rõ nét đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng như kỹ thuật lập pháp của nước ta trong một giai đoạn lịch sử, đặc biệt thể hiện rõ chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với các hành vi xâm phạm BMNN.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo mật, ngày 17 tháng 11 năm 1950 Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký, ban hành Sắc lệnh số 154/SL (sau đây gọi tắt là Sắc lệnh số 154) ấn định những hình phạt

trừng trị việc tiết lộ bí mật về cơ quan hay công tác của Chính phủ. Theo quy định tại Điều 1 Sắc lệnh số 154, người nào làm tiết lộ bí mật về cơ quan hay công tác của Chính phủ, tùy theo lỗi nặng, nhẹ sẽ bị:

- Cảnh cáo;
- Phạt vi cảnh;
- Truy tố trước Tòa án thường và có thể bị phạt tù từ sáu ngày đến sáu tháng;
- Truy tố trước Tòa quân sự [8].

Theo quy định của Sắc lệnh số 154 thì hành vi tiết lộ BMNN tùy theo lỗi nặng, nhẹ được xử lý theo 03 mức từ thấp đến cao. Mức thấp nhất là xử phạt cảnh cáo đối với những trường hợp vi phạm không nghiêm trọng hoặc vi phạm do sơ xuất, thiếu hiểu biết hoặc vi phạm do nhiều nguyên nhân khách quan. Mức thứ hai là phạt vi cảnh, trong đó có phạt tiền hoặc phạt lao động công ích và phạt giam được áp dụng đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng, tái vi phạm nhiều lần. Mức thứ ba (mức xử lý nặng nhất) là truy tố trước Tòa án và có thể bị phạt tù từ 06 ngày đến 06 tháng. Ngoài ra, những trường hợp là công chức và quân nhân phạm pháp, ngoài hình phạt được quy định tại Điều 1 còn bị thi hành kỷ luật theo quy chế công chức hay kỷ luật trong quân đội. Sắc lệnh số 154 chỉ có 02 điều quy định hình thức xử lý hành vi tiết lộ BMNN nhưng đã thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm BMNN. Mặt khác, điều này còn thể hiện trình độ, kỹ thuật lập pháp của Nhà nước ta nhằm đảm bảo nguyên tắc pháp chế, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong từng thời kỳ.

Để giữ gìn bí mật quốc gia, ngăn ngừa địch và tay sai của địch đánh cắp bí mật quốc gia, ngày 10 tháng 12 năm 1951, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký, ban hành Sắc lệnh số 69/SL bổ khuyết cho Sắc lệnh số 154-SL với mục đích “*giữ bí mật quốc gia, ngăn ngừa địch và tay sai của*

chúng dò xét, đánh cắp bí mật quốc gia; đặt nhiệm vụ cho bộ đội, cơ quan, cán bộ, đoàn thể, các báo chí và nhân dân phải giữ bí mật quốc gia” [9] (sau đây gọi tắt là Sắc lệnh số 69). Điều 4, Điều 5 Sắc lệnh số 69 quy định:

Điều 4. Ai phạm vào một trong các tội dưới đây sẽ bị truy tố trước Tòa án như một tội phản bội Tổ quốc:

- Cố ý tiết lộ hoặc bán bí mật quốc gia cho địch hay cho tay sai của địch;
- Lợi dụng bí mật quốc gia để đầu cơ lấy lợi;
- Dò xét bí mật quốc gia; mua, lấy cắp những tài liệu bí mật quốc gia.

Điều 5. Ai vì sơ xuất để lộ bí mật quốc gia hoặc đánh mất tài liệu quốc gia sẽ tùy theo trường hợp mà bị trừng phạt [9].

Tuy không quy định cụ thể về hình phạt đối với từng tội xâm phạm BMNN ngay trong văn bản, nhưng Sắc lệnh số 69 đã quy định cụ thể 03 loại tội phạm này với mức hình phạt như tội phản bội Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất, tuy nhiên nếu ai phạm vào 03 tội trên thì cũng bị truy tố như tội phản bội Tổ quốc. Qua đây có thể thấy, trong giai đoạn này Nhà nước ta rất coi trọng công tác bảo mật; đồng thời thể hiện chính sách hình sự rất nghiêm khắc của Nhà nước đối với các tội xâm phạm BMNN.

Ngày 20 tháng 01 năm 1953, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký, ban hành Sắc lệnh số 133/SL trừng trị các loại Việt gian, phản động và xét xử những âm mưu hành động phản quốc (sau đây gọi tắt là Sắc lệnh số 133). Trong văn bản này, các tội xâm phạm BMNN mặc dù không được quy định cụ thể, chi tiết trong một điều luật riêng nhưng hành vi xâm phạm BMNN đã được quy định trong tội gián điệp. Điều 7 Sắc Lệnh số 133 quy định:

Kẻ nào phạm tội làm gián điệp cho địch, như:... cố ý tiết lộ hoặc bán bí mật quốc gia cho địch; dò xét bí mật quốc gia; mua, cướp, lấy cắp những tài liệu bí mật quốc gia... sẽ bị xử phạt như sau:

a) Bọn tổ chức, chỉ huy hoặc bọn hoạt động đặc lực sẽ bị xử tử hình hoặc bị phạt tù từ 10 năm đến chung thân.

b)... bọn tội trạng tương đối nhẹ sẽ bị phạt tù từ 10 năm trở xuống [10, Điều 7].

Hành vi cố ý tiết lộ hoặc bán bí mật quốc gia cho địch; dò xét bí mật quốc gia; mua, cướp, lấy cắp những tài liệu bí mật quốc gia quy định trong Sắc lệnh số 133 sẽ bị xử lý rất nghiêm khắc bằng hình phạt tù với mức cao nhất có thể tử hình hoặc chung thân. Tuy nhiên, theo quy định của Sắc lệnh số 133 thì hình phạt này áp dụng đối với người phạm tội gián điệp không áp dụng đối với các tội xâm phạm BMNN mặc dù tội phạm có thực hiện hành vi xâm phạm BMNN.

Ngày 14 tháng 6 năm 1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 69-CP quy định những vấn đề thuộc phạm vi bí mật của nhà nước và trách nhiệm trong việc giữ gìn BMNN của nhà nước. Nghị định có một chương riêng quy định về những vấn đề thuộc phạm vi BMNN; hai điều quy định việc xử lý những người có hành vi xâm phạm BMNN, theo đó:

Người nào phạm vào một trong những tội dưới đây sẽ bị truy tố trước pháp luật:

- Bán, cho, cố ý tiết lộ bất cứ dưới hình thức nào và bán các tin tức, tài liệu bí mật của nhà nước cho kẻ địch hoặc cho tay sai của địch.

- Dò xét, mua tin tức, tài liệu bí mật của nhà nước, cướp, lấy cắp tài liệu bí mật của nhà nước.

- Lợi dụng bí mật của nhà nước để đầu cơ trục lợi.

Người nào vì sơ xuất mà để lộ bí mật của nhà nước hoặc để mất tài liệu bí mật sẽ tùy theo từng trường hợp mà bị thi hành kỷ luật hành chính hoặc truy tố trước pháp luật [15].

Ngày 30 tháng 10 năm 1967, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng. Sự ra đời của Pháp lệnh này là một sự kiện chính trị pháp lý quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta; là công cụ sắc bén để tăng cường pháp chế XHCN, tăng cường chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân ta. Đây là một văn pháp pháp lý tương đối hoàn chỉnh, thể chế hóa đầy đủ nhất tinh thần, nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong lĩnh vực an ninh chính trị. Trong Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng, tội xâm phạm BMNN cũng không được quy định cụ thể tại một điều luật riêng, hành vi xâm phạm BMNN được quy định trong Điều 5 (Tội gián điệp): *“kẻ nào phạm tội như sau: Cung cấp, chuyển giao hoặc lấy cắp, thu thập, cất giữ để cung cấp, chuyển giao BMNN, bí mật quân sự cho bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng, cho cơ quan tình báo nước ngoài...”*.

Như vậy, các qui định bước đầu về tội xâm phạm BMNN trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Đồng thời là những văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định về công tác bảo vệ BMNN, trừng trị hành vi xâm phạm BMNN; tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ hướng dẫn thi hành thống nhất trong cả nước sau này.

1.2.2. Các tội xâm phạm bí mật nhà nước trong Bộ luật hình sự năm 1985

Sự hình thành và phát triển của pháp luật luôn dựa trên nền tảng chính trị - kinh tế - xã hội. Vào những năm đầu của thập kỷ 80, nền kinh tế của nước ta có nhiều thay đổi, với nhiều thành phần kinh tế khác nhau, các quan hệ pháp luật mới nảy sinh cũng như những qui định pháp luật cũ, trước đây không còn phù hợp. Ngày 27 tháng 6 năm 1985 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VII đã thông qua BLHS đầu tiên của nước ta, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1986 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 1985). Trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà xã

hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật hình sự có vị trí rất quan trọng; là một công cụ sắc bén, hữu hiệu của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống mọi hành vi phạm tội. BLHS năm 1985 đã kế thừa và phát triển Luật hình sự của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta trong mấy chục năm qua; thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh chống tội phạm của Đảng và Nhà nước góp phần giữ vững an ninh, trật tự, loại bỏ những yếu tố gây cản trở tiến trình đổi mới và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, sự ra đời của BLHS năm 1985 là một tất yếu khách quan, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự của Nhà nước ta [19].

Trong BLHS năm 1985, các tội xâm phạm BMNN được quy định tại hai điều luật ở mục B (Các tội khác xâm phạm an ninh quốc gia) thuộc Chương II (Các tội xâm phạm an ninh quốc gia). Hai điều luật này quy định 02 tội ghép của 06 hành vi phạm tội khác nhau, cụ thể:

- Tội cố ý làm lộ BMNN, tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu BMNN quy định tại Điều 92 với nội dung: Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 74 (Tội gián điệp) và Điều 80 (Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội) thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm;

- Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN quy định tại Điều 93 với nội dung: Người nào vô ý làm lộ BMNN hoặc làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị tù từ sáu tháng đến ba năm; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

So với các tội xâm phạm BMNN, hành vi xâm phạm BMNN được quy định trong Sắc lệnh số 154, 69 và 133 thì BLHS năm 1985 ghi nhận các tội xâm phạm BMNN một cách đầy đủ, cụ thể hơn tại hai điều luật riêng biệt: Thể hiện ở mặt khách quan của tội phạm được quy định bởi sáu hành vi (hành vi cố ý, vô ý làm lộ BMNN, hành vi chiếm đoạt BMNN, mua bán BMNN, hành vi tiêu hủy BMNN, làm mất tài liệu BMNN); quy định cụ thể khung hình phạt cơ bản, khung hình phạt tăng nặng. Theo đó, hành vi xâm phạm BMNN sẽ bị xử lý ở mức thấp nhất là cải tạo không giam giữ đến một năm, nặng nhất là bị phạt tù đến mười lăm năm. Tuy nhiên, BLHS năm 1985 chưa quy định khung hình phạt đối với các tội xâm phạm BMNN trong các trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Có thể nhận thấy, các nhà làm luật ghi nhận các tội xâm phạm BMNN trong chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia một lần nữa khẳng định tính chất quan trọng của công tác bảo vệ BMNN; tiếp tục thể hiện chính sách hình sự nghiêm khắc của Đảng, Nhà nước ta đối với loại tội phạm này.

Kết luận chương 1

Khái niệm BMNN và các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN giai đoạn 1945 - 1985 đã được các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các nhà làm luật phát triển và bước đầu ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật. Quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN ở thời kỳ này chưa được ghi nhận đầy đủ, toàn diện về tội phạm và hình phạt của loại tội phạm này nhưng đã thể hiện những đóng góp tích cực của các nhà làm luật và chính sách hình sự nghiêm khắc của Đảng, Nhà nước ta đối với tội phạm xâm phạm BMNN. Bước đầu là ghi nhận trong các sắc lệnh, văn bản dưới luật nhưng đến năm 1985, các tội xâm phạm BMNN đã được quy định tại 02 điều luật riêng biệt, quy định cụ thể về tội phạm và hình phạt. Đánh dấu một bước tiến quan trọng của pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý các hành vi xâm phạm BMNN. Tuy nhiên, do điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội; trình độ, năng lực của cán bộ, các nhà làm luật trong giai đoạn này còn hạn chế nên BLHS năm 1985 chưa quy định khung hình phạt tăng nặng trong trường hợp “phạm tội rất nghiêm trọng”, “phạm tội đặc biệt nghiêm trọng”. Đây là vấn đề cần nghiên cứu để bổ sung, hoàn thiện khi xây dựng BLHS mới thay thế BLHS năm 1985.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, cấu thành tội phạm là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính đặc thù cho loại tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự. Với nội dung này, cấu thành tội phạm được coi là khái niệm pháp lý của loại tội phạm cụ thể, là sự mô tả khái quát loại tội phạm nhất định trong luật hình sự.

Về mặt lý luận, bốn yếu tố cấu thành tội phạm là: Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm. Đối với các tội xâm phạm BMNN quy định tại Điều 263, Điều 264 BLHS năm 1999, các dấu hiệu pháp lý của tội phạm bao gồm:

2.1.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Một quan hệ xã hội nào đó bị xâm hại nhưng không được nhà nước xác định bảo vệ bằng các quy phạm pháp luật hình sự thì không là khách thể của tội phạm và hành vi xâm hại không bị coi là tội phạm. Theo Luật hình sự Việt Nam, những quan hệ xã hội được coi là khách thể bảo vệ của luật hình sự là những quan hệ xã hội đã được xác định trong Điều 8 của BLHS 1999 (bao gồm: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc; chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức; tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, lĩnh vực khác của trật tự xã hội). Đồng thời, mỗi một

tội phạm đều gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho một trong những khách thể nhất định. Khách thể của tội phạm là một căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội.

2.1.1.1. Khách thể của tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

BLHS năm 1999 quy định:

1. Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm [20, Điều 263].

Điều 263 BLHS năm 1999 là một tội ghép của các tội: Tội cố ý làm lộ BMNN; Tội chiếm đoạt tài liệu BMNN; Tội mua bán tài liệu BMNN và Tội tiêu hủy tài liệu BMNN. Do đó, đối với các tội cố ý làm lộ BMNN, chiếm đoạt tài liệu BMNN, mua bán tài liệu BMNN, tiêu hủy tài liệu BMNN, khách thể trực tiếp bị xâm phạm là các chế độ, quy định về bảo vệ BMNN, sự an toàn của BMNN mà đối tượng tác động của các loại tội phạm này là BMNN gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân; gắn liền với nhiệm vụ của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được giao lưu giữ, quản lý, bảo quản, bảo vệ BMNN. Khi người phạm tội thực hiện hành vi cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN đã gây ra thiệt

hại về nhiều mặt (chính trị, kinh tế, ngoại giao, an ninh, quốc phòng...) cho Nhà nước và sự gây thiệt hại này phản ánh đầy đủ bản chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Có thể thấy, mọi BMNN đều là đối tượng tác động của các tội cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN. Đối tượng tác động của các tội này là BMNN ở dạng tin, tài liệu ở dạng giấy, vật lưu giữ tin, tài liệu ở dạng file mềm, dạng ảnh (như máy tính cố định, máy tính xách tay, ổ cứng ngoài, băng, đĩa, USB...).

Ví dụ: Nguyễn H, nguyên Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Sở hữu trí tuệ thành phố H đã truy cập máy chủ lưu trữ cơ sở dữ liệu của Cục để sao chép khoảng 40GB dữ liệu về bản quyền nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam từ năm 1982 đến năm 2010 và bản cập nhật dữ liệu từ tháng 01 đến tháng 6/2011, trong đó có khoảng 600 Đơn đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam chưa công bố. H đã nhiều lần bán dữ liệu trên cho Công ty Avantiq (Công ty chuyên về bản quyền nhãn hiệu hàng hóa quốc tế) thu lời 30.000 USD. Hành vi của Nguyễn H và Công ty Avantiq đã xâm phạm chế độ, quy định về bảo vệ BMNN (ng nghiêm cấm mua, bán BMNN dưới mọi hình thức), gây thiệt hại về kinh tế của Nhà nước.

Như vậy, với ý nghĩa là những quan hệ xã hội bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại, chế độ, quy định về bảo vệ BMNN, sự an toàn của BMNN là khách thể trực tiếp của các tội cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN.

2.1.1.2. Khách thể của tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

BLHS năm 1999 quy định:

1. Người nào vô ý làm lộ BMNN hoặc làm mất tài liệu BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm [20, Điều 264].

Cũng như Điều 263, đây là một tội ghép của hai tội: Tội vô ý làm lộ BMNN; Tội làm mất tài liệu BMNN. Khách thể của các tội này cũng giống khách thể của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN đều xâm hại trực tiếp chế độ, quy định về bảo vệ BMNN, sự an toàn của BMNN.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn T, cán bộ Công an huyện V, tỉnh H được giao nhiệm vụ làm công tác tổng hợp của Công an huyện. Ngày 17 tháng 5 năm 2013, đồng chí Nguyễn Văn T lấy hai tập hồ sơ có chứa đựng nhiều tài liệu mật để nghiên cứu làm báo sơ kết công tác sáu tháng đầu năm. Khi kết thúc công việc, đồng chí không cất hồ sơ, tài liệu vào tủ mà để trên bàn làm việc (khi đồng chí ra về đã tắt điện, khóa cửa Phòng làm việc). Sáng hôm sau đến Phòng làm việc, đồng chí T phát hiện mất hai tập tài liệu trên. Đồng chí T đã báo cáo lãnh đạo Công an huyện để tổ chức truy tìm, nhưng không có kết quả. Đồng chí Nguyễn Văn T đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật về lưu giữ, bảo quản tài liệu mật nên đã để đối tượng lấy đi 02 tập tài liệu có nội dung BMNN. Hành vi của đồng chí T đã xâm hại chế độ, quy định về bảo vệ BMNN (BMNN phải được lưu giữ, bảo quản trong tủ sắt có khóa, đảm bảo an toàn, bảo mật); ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn của tài liệu (tài liệu có thể bị đốt, xé nát, bán cho người khác).

2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

Bất cứ tội phạm nào khi thực hiện hành vi phạm tội cũng đều có những biểu hiện ra bên ngoài mà con người có thể trực tiếp nhận biết được. Đó là: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như mỗi

quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi phạm tội. Tổng hợp những biểu hiện trên tạo thành mặt khách quan của tội phạm. Như vậy, mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm các dấu hiệu biểu hiện của tội phạm diễn ra trong thế giới khách quan. Các biểu hiện khách quan của tội phạm có vị trí và ý nghĩa không giống nhau trong các cấu thành tội phạm; các dấu hiệu thuộc mặt khách quan có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, từ những biểu hiện khách quan người ta xác định được tội phạm đã xảy ra, làm rõ các yếu tố khác của cấu thành tội phạm, như mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của tội phạm.

2.1.2.1. Mặt khách quan của tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

Như đã phân tích ở trên, đây là một điều luật ghép của nhiều hành vi phạm tội nên cấu thành các tội phạm khác nhau. Do đó, mặt khách quan của các tội này cũng không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể:

- Mặt khách quan của tội cố ý làm lộ BMNN: Thể hiện ở hành vi cố ý làm cho người khác biết về BMNN. Hành vi cố ý này có thể thực hiện bằng lời nói, cho người khác ghi chép, sao chụp, đưa lên phương tiện thông tin truyền thông hoặc xem các nội dung thuộc BMNN. Cũng có thể thực hiện tội phạm không hành động như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về soạn thảo, bảo quản, lưu giữ, cất giữ BMNN, phổ biến, in sao, cung cấp, chuyển giao BMNN; để cho người khác biết về những thông tin, nội dung BMNN mà mình có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hoặc cất giữ.

Hậu quả xảy ra không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Tội phạm hoàn thành từ khi người khác biết được các nội dung thuộc BMNN, bất kể người đó sử dụng BMNN vào việc gì, có gây ra hậu quả hay không.

Thứ nhất, hành vi cố ý thể hiện bằng lời nói: Đây là hành vi xâm phạm BMNN phổ biến của các đối tượng, được thể hiện bằng việc nói với người

khác thông qua buổi gặp mặt trực tiếp hoặc nói qua thiết bị liên lạc (điện thoại di động, điện thoại cố định, bộ đàm) dẫn đến BMNN bị lộ. Ví dụ: Nguyễn Văn A là cán bộ được giao thụ lý, điều tra vụ án vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu nghiêm trọng. Vụ án đang trong giai đoạn điều tra, trong buổi gặp mặt với Trần Văn B tại quán bia (B là bạn thân của A từ thời học phổ thông trung học, đối tượng có liên quan trong vụ án nêu trên), B hỏi A về vụ án. Do uống nhiều bia, không làm chủ được bản thân, A đã nói cho B nghe một số thông tin về đối tượng chính của vụ án mà cơ quan điều tra đang nắm giữ. Hành vi của A đã làm lộ BMNN (thông tin về vụ án đang trong quá trình điều tra chưa công bố).

Thứ hai, hành vi cố ý cho người khác ghi chép, sao chụp BMNN: Đây cũng là hành vi vi phạm phổ biến trên thực tế bằng việc cho người khác ghi chép, sao chụp (photocopy, chụp ảnh) lại những tin, tài liệu, vật mang BMNN dẫn đến BMNN bị lộ. Ví dụ: Nguyễn Thị H là cán bộ được giao quản lý, lưu giữ tài liệu về chủ trương giải quyết tranh chấp biên giới trên bộ và trên biển của Nhà nước ta với một số nước láng giềng không công bố (tài liệu có độ mật Tối mật). Bạn thân của H đang làm luận văn thạc sĩ về vấn đề liên quan đến biển Đông. H đã cho bạn copy lại toàn bộ văn bản trên phục vụ cho việc viết luận văn.

Thứ ba, hành vi cố ý thể hiện bằng việc đưa thông tin, tài liệu mật lên phương tiện thông tin và truyền thông (đưa lên báo viết, báo điện tử, các trang web, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử...). Ví dụ: 02 phóng viên Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên đã đưa tin liên quan đến công tác điều tra vụ án tham nhũng (thông tin này chưa được xác minh), sau đó thông tin này đã được đăng tải trên 18 Tờ báo trong nước dẫn đến lộ thông tin, tài liệu về vụ án đang điều tra, ảnh hưởng đến công tác điều tra vụ án, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận.

Thứ tư, hành vi cố ý thể hiện bằng việc cho người khác xem nội dung BMNN. Ví dụ: Bùi Văn Q được giao nhiệm vụ làm thư ký Đoàn thanh tra thanh tra việc sử dụng, quản lý kinh phí thường xuyên thuộc ngân sách nhà nước cấp tại cơ quan X. Là thư ký của Đoàn nên Q được giao soạn thảo kết luận thanh tra, do có quan hệ cá nhân với một cán bộ thuộc cơ quan X nên Q đã cho cán bộ này xem nội dung dự thảo kết luận thanh tra đối với cơ quan X. Cán bộ này đã sử dụng thông tin trong dự thảo kết luận thanh tra để tố cáo lãnh đạo cơ quan X vi phạm quy định nhà nước về quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước gây phức tạp nội bộ (Theo quy định, dự thảo kết luận thanh tra chưa công bố thuộc danh mục BMNN và được quản lý bảo vệ theo chế độ tài liệu mật).

Thứ năm, hành vi cố ý thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về soạn thảo, lưu giữ, cất giữ tài liệu mật. Đó là việc người được giao soạn thảo, lưu giữ hoặc cất giữ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật bảo vệ BMNN trong soạn thảo, lưu giữ, cất giữ tài liệu mật, như: Soạn thảo, lưu giữ thông tin, tài liệu có nội dung BMNN trên máy tính có kết nối Internet; dùng thiết bị lưu giữ BMNN (USB, ổ cứng ngoài, đĩa) kết nối vào phương tiện nối mạng Internet (máy tính cố định, máy tính xách tay, máy photocopy có chức năng lưu giữ lại tài liệu) hoặc cất giữ tài liệu mật vào tủ không có khóa hoặc phòng lưu trữ không có khóa.

Thứ sáu, hành vi cố ý thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về phổ biến, cung cấp tin, tài liệu, vật mang BMNN: Thể hiện ở việc phổ biến tin, tài liệu mật ở nơi không đảm bảo an toàn (phòng họp hoặc hội trường có thiết bị thu, phát Wifi); phổ biến không đúng đối tượng (tài liệu phổ biến có nội dung Tuyệt mật nhưng phổ biến đến nhiều đối tượng không có trách nhiệm); cho phép ghi âm, quay phim, chụp ảnh tại cuộc họp BMNN mà theo quy định không được phép ghi âm, chụp ảnh, quay phim; cung cấp BMNN cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài không đúng thẩm

quyền (Theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN, tài liệu Tuyệt mật, Tối mật cung cấp cho tổ chức, cá nhân trong nước phải do người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương quyết định; tin, tài liệu BMNN độ Tuyệt mật cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ quyết định; tin, tài liệu BMNN độ Tối mật cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định).

Thứ bảy, hành vi cố ý thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về sao chụp tài liệu mật, như: Tài liệu mật được sao y không đúng thẩm quyền hoặc sao nhiều hơn so với số bản mà người có thẩm quyền đã phê duyệt.

Thứ tám, hành vi cố ý thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về chuyển giao tài liệu mật, như: Chuyển giao tài liệu mật qua thư điện tử, qua đường truyền chưa được bảo mật theo quy định của pháp luật về cơ yếu; chuyển tài liệu mật không có ký nhận giữa các bên giao nhận...

- Mật khách quan của tội chiếm đoạt tài liệu BMNN: Chiếm đoạt tài liệu BMNN là hành vi chiếm giữ trái phép làm cho các tài liệu bí mật của nhà nước bị tách rời khỏi sự quản lý hợp pháp của người có trách nhiệm quản lý. Hành vi chiếm đoạt tài liệu BMNN được thực hiện bởi các hành động như cướp, cướp giật, cưỡng đoạt, trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm. Hậu quả của tội chiếm đoạt tài liệu BMNN là làm cho tài liệu BMNN không thuộc sự quản lý của người có trách nhiệm; tùy theo nội dung của tài liệu mà có thể gây ra thiệt hại về vật chất (kinh tế), chính trị (đối nội, đối ngoại), an ninh, quốc phòng. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm; tội phạm hoàn thành từ thời điểm người phạm tội tiến hành hành vi chiếm đoạt tài liệu BMNN.

Ví dụ: A là cán bộ thuộc cơ quan X đến liên hệ công tác với đơn vị Y,

B là cán bộ của đơn vị Y được giao nhiệm vụ tiếp, làm việc với A. Quá trình làm việc, B ra ngoài đi vệ sinh, A thấy trên bàn làm việc của B có tập hồ sơ về điều tra vụ án tham nhũng mà A đang muốn tìm hiểu (tập hồ sơ có đóng dấu mật). Lợi dụng B ra ngoài, trong phòng không có ai, A đã lấy bản dự thảo kết luận điều tra photocopy 01 bản cho vào cặp làm việc của mình. B không biết tài liệu do mình quản đã bị A lấy. Như vậy, A đã chiếm giữ trái phép bản dự thảo kết luận điều tra do B quản lý thành sở hữu bất hợp pháp của mình bằng hành động lấy trộm bản dự thảo kết luận điều tra.

Hoặc vụ án:

Ngày 29 tháng 9 năm 2012, Ngô Văn T (Quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc) bị Công an phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội bắt quả tang khi đang tháo dỡ các thiết bị, sao chép thông tin dữ liệu tài khoản của khách hàng tại máy rút tiền ATM của Ngân hàng Đông Á (số 361, đường Trường Chinh, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội). Khám xét tại khách sạn nơi T thuê, cơ quan Công an đã thu một đầu in thẻ từ ATM, 01 pin nhỏ có dán băng dính, 11 giấy tờ kích thước khác nhau có in logo VISA, Mastercard, Card, JCB, UnionPay, cùng các máy khoan, máy hàn, kéo, dũa, thanh keo nhiệt silicon. T khai làm theo lời của Hồ T (quốc tịch Trung Quốc, là người T quen qua mạng Internet). Hồ T đã chỉ cho T cách lấy tiền từ máy ATM và rủ cùng tham gia.

Theo bản bạc, Hồ T mang thiết bị đọc trộm dữ liệu thẻ, camera để ghi lại thao nhập mã pin, thiết bị in thẻ ATM, phôi thẻ từ trắng từ Trung Quốc vào Việt Nam. Hồ T sẽ lắp đặt thiết bị theo dõi để lấy trộm thông tin trên các cây rút tiền, còn T tháo các thiết bị này đem về để đồng bọn khai thác, sử dụng làm thẻ ATM giả. Ngày 22 tháng 8 năm 2012, Ngô Văn T và Hồ T nhập cảnh vào Việt Nam dưới danh nghĩa khách du lịch. Cả hai đã dành ba ngày quan sát nhiều cây ATM và chọn cây rút tiền của Ngân hàng Đông Á trên

đường Trường Chinh. Hai đối tượng này đã 02 lần thực hiện việc lắp đặt thiết bị, sao chép thông tin tài khoản. Với các thông tin dữ liệu thẻ tín dụng và mật khẩu lấy được, chúng đã làm 05 chiếc thẻ tín dụng giả, nhưng số thẻ giả này đều bị máy ATM “nuốt”. Không từ bỏ ý định, trưa ngày 28 tháng 8 năm 2012, Hồ T quay lại máy rút tiền trên đường Trường Chinh lắp đặt thiết bị để chiếm đoạt thông tin thẻ tín dụng. Sáng ngày 29 tháng 8 năm 2012, Ngô Văn T đến tháo thiết bị đem về làm thẻ giả thì bị bắt quả tang [11].

Như vậy, 02 đối tượng trên đã dùng thủ đoạn gian dối để lấy trộm thông tin tài khoản của khách hàng tại cây rút tiền của Ngân hàng Đông Á. Theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 151/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 11/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Công an thì thông tin liên quan đến tiền gửi của khách hàng, mẫu chữ ký của chủ tài khoản, mã số quy định cho khách hàng để xác định thẻ cá nhân của người dùng thẻ trong hoạt động ngân hàng thuộc danh mục BMNN độ Mật của ngành Ngân hàng [5].

Tại bản án sơ thẩm ngày 10 tháng 7 năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 tuyên phạt Ngô Văn T 30 tháng tù giam về tội chiếm đoạt tài liệu BMNN.

Đề lấy tiền từ máy rút tiền ATM, Ngô Văn T cùng đồng bọn đã dùng thủ đoạn gian dối, qua mặt cơ quan chức năng bằng cách lắp đặt các thiết bị tinh vi để chiếm đoạt BMNN của ngành Ngân hàng (sao chép thông tin tài khoản của khách hàng). Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 là đúng đắn.

- Mặt khách quan của tội mua bán tài liệu BMNN: Mua bán tài liệu BMNN là hành vi dùng tiền hoặc các lợi ích vật chất khác để trao đổi lấy tài liệu BMNN. Chỉ cần người phạm tội thực hiện một trong hai hành vi mua hoặc bán tài liệu bí mật nhà nước là đủ dấu hiệu định tội danh này. Hành vi mua bán tài liệu BMNN không nhất thiết phải thỏa mãn các dấu hiệu của việc

trao đổi, mua bán, hoàn thành mà chỉ cần đã nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất hoặc mới chỉ thỏa thuận với nhau về việc trao đổi, mua bán và trao tài liệu BMNN cho người mua hoặc cho họ sao chép, xem nội dung tài liệu là đã đủ dấu hiệu để định tội. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện các hành vi khách quan nêu trên.

Ví dụ vụ án: Phạm Thiên H trú tại số 42, ngách 381/41 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội là chuyên viên hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng Techcombank chi nhánh Nội Bài, Hà Nội. Nhờ vị trí công việc H biết được danh sách khách hàng gửi tiền tiết kiệm và các khách hàng có hoạt động giao dịch tiền gửi tại ngân hàng nêu trên. Từ tháng 6 năm 2011, H chủ động mượn tài khoản của đồng nghiệp, nhiều lần truy cập vào mạng lưu trữ dữ liệu nội bộ của ngân hàng sao chép và lưu giữ thông tin của 10.000 khách hàng gửi tiền vào ổ cứng của máy tính cá nhân. Mục đích của H là để sau này nếu chuyển sang làm việc ở ngân hàng khác sẽ sử dụng thông tin đã lấy được nhằm thu hút khách hàng mới và sẽ rao bán kiếm lời. Đến tháng 5 năm 2012, H copy danh sách vào USB cá nhân mang về nhà lưu giữ. Từ tháng 01 đến tháng 7 năm 2012, H được 01 lãnh đạo ngân hàng Techcombank chi nhánh Nội Bài cho mượn USER và mật khẩu để H truy cập vào hệ thống dữ liệu copy danh sách 87 khách hàng có đăng ký thẻ Visa Credit tại ngân hàng. Căn cứ trên danh sách khách hàng có thẻ Visa Credit, H chọn lọc các cá nhân đang làm việc tại các ngân hàng khác, cá nhân có thu nhập cao.

Khoảng cuối tháng 7 năm 2012, H gửi thư chào bán danh sách khách hàng nêu trên trên mạng Internet từ hòm thư điện tử của mình. Ngày 25 tháng 7 năm 2012, H chào bán cho chị Lê Thanh N ở một ngân hàng khác. Lê Thanh N đã trả 10 triệu đồng để mua danh sách 1.000 khách hàng ở khu vực Hà Nội có số dư tài khoản từ 500 triệu đồng trở lên. Sau đó sự việc bại lộ, H bị bắt [11].

Tại bản án sơ thẩm ngày 22 tháng 01 năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 tuyên phạt bị cáo H 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 151/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 11/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục BMNN độ Mật của ngành Ngân hàng thì thông tin liên quan đến tiền gửi của khách hàng tại các tổ chức tín dụng và của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam thuộc BMNN độ Mật [5]; danh sách khách hàng mở thẻ Visa Credit không phải là thông tin mật nhưng theo quy định của ngành Ngân hàng, cán bộ phải có trách nhiệm bảo mật, không cung cấp cho người khác. Phạm Thiên H đã bán thông tin về 1.000 khách hàng gửi tiền tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Nội Bài để kiếm lời 10 triệu đồng. H là cán bộ Ngân hàng, là người phải biết rõ những thông tin trên là BMNN, nhưng H đã cố ý thu thập để bán kiếm lời. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 tuyên phạt bị cáo H 02 năm tù về tội chiếm đoạt, mua bán BMNN là đúng đắn.

- Mật khách quan của tội tiêu hủy tài liệu BMNN: Tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi làm hư hỏng, làm cho tài liệu BMNN bị mất hẳn nội dung, không thể khôi phục lại được hoặc nếu có khả năng khôi phục lại cũng rất tốn kém công sức. Hành vi tiêu hủy được thực hiện bằng hành động như xé nát, cho vào máy nghiền nát, đốt cháy, dùng hóa chất, đập phá, hủy hoại... Đối với BMNN tồn tại ở dạng tin thì hành vi tiêu hủy được thực hiện bằng hành động xóa nội dung tin, ghi đè nội dung tin khác làm cho BMNN bị mất nội dung không thể khôi phục hoặc rất khó khôi phục; đối với BMNN tồn tại ở dạng văn bản thì hành vi tiêu hủy thể hiện bằng hành động xé nát, cho vào máy nghiền nát (thông thường là máy xén giấy, máy hủy tài liệu), dùng hóa chất, đốt cháy làm cho BMNN không thể phục hồi; đối với BMNN ở dạng vật (máy tính, ổ cứng, USB, thẻ nhớ, băng, đĩa, máy ghi âm...) thì hành vi tiêu

hủy thể hiện bằng hành động đập nát, phá hủy, dùng hóa chất, ngâm vào nước làm cho những vật này bị biến dạng, hư hỏng, mất tính năng sử dụng dẫn đến BMNN bị hủy hoại không sử dụng được.

Hậu quả của hành vi phạm tội này là làm mất đi giá trị sử dụng của tài liệu BMNN. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm hậu quả xảy ra.

Ví dụ: Nguyễn Thị H là cán bộ tổng hợp của một cơ quan X, H được lãnh đạo cơ quan giao lưu giữ, bảo quản nhiều tài liệu BMNN của cơ quan. Do bất mãn với lãnh đạo cơ quan, ngày nghỉ H đã vào cơ quan mang 05 tập hồ sơ có lưu giữ tài liệu mật của cơ quan đi đốt. Hành động đốt tài liệu mật của H đã vi phạm quy định pháp luật bảo vệ BMNN, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử cho thấy Cơ quan điều tra chưa khởi tố vụ án nào về hành vi tiêu hủy BMNN.

Qua nghiên cứu, thấy mặt khách quan của các tội phạm này không giống nhau, tính nguy hiểm của các tội phạm cũng khác nhau. Ví dụ: Hành vi mua bán tài liệu BMNN nguy hiểm hơn hành vi chiếm đoạt hoặc tiêu hủy tài liệu BMNN, nhưng lại có chung một chế tài hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Theo học viên, đây là điều không hợp lý cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

Đây là một tội ghép của hai tội: Vô ý làm lộ BMNN và tội làm mất tài liệu BMNN. Hai tội này độc lập với nhau nhưng được quy định trong cùng một điều luật. Do đó, mặt khách quan của hai tội này cũng khác nhau.

- Mặt khách quan của tội vô ý làm lộ BMNN thể hiện ở hành vi không thực hiện đúng các quy định về phòng gian, bảo mật mà vô tình làm cho người khác biết BMNN. Hành vi này có thể được thực hiện bằng hành động như lời nói. Chẳng hạn như khoe khoang với người khác hoặc trong lúc vui

chuyện mà vô tình tiết lộ BMNN (chồng là quan chức kể chuyện công việc cơ quan với vợ, trong đó có những chuyện về BMNN, vợ lại kể chuyện này với người khác làm cho BMNN bị tiết lộ). Cũng có thể hành vi là không hành động, chẳng hạn như không thực hiện đúng các quy định về giữ gìn, bảo vệ BMNN mà để cho người khác biết về BMNN....

Ví dụ: Nguyễn Thị H là cán bộ văn thư của đơn vị X, H được giao đánh quyết định khám xét nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự. Sau đó, H đã khoe với bạn của mình về đối tượng sắp bị khám xét trong vụ án, bạn của H có quan hệ với đối tượng bị khám xét nên đã thông báo cho đối tượng này. Đối tượng đã tẩu tán tài liệu liên quan đến vụ án gây khó khăn cho công tác điều tra. Lời nói của H với bạn đã làm lộ thông tin về vụ án đang điều tra. Theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BCA ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục BMNN độ Mật trong lực lượng Công an nhân dân thì tin, tài liệu về quá trình điều tra vụ án hình sự chưa công bố hoặc không công bố thuộc danh mục BMNN độ Mật [4]. Như vậy, thông tin về việc khám xét nơi ở của đối tượng trong ví dụ trên thuộc BMNN độ Mật. Việc H nói cho bạn của mình biết thông tin khám xét nơi ở của đối tượng đã vô tình làm cho người khác biết được BMNN.

Hoặc trường hợp soạn thảo tài liệu BMNN trên máy tính có kết nối Internet: Người soạn thảo đã ngắt thiết bị kết nối và cho rằng việc ngắt thiết bị kết nối Internet không làm lộ BMNN. Tuy nhiên, máy tính dùng để kết nối Internet đã bị cài đặt mã độc hoặc phần mềm gián điệp của cơ quan đặc biệt nước ngoài, khi thực hiện soạn thảo tài liệu trên những máy tính này, phần mềm gián điệp sẽ sao chép toàn bộ nội dung tài liệu lưu giữ dưới dạng file ẩn. Khi máy tính thực hiện kết nối Internet thì toàn bộ nội dung tài liệu sẽ được chuyển về máy chủ của cơ quan đặc biệt nước ngoài dẫn đến tài liệu BMNN bị lộ.

- Mất khách quan của tội làm mất tài liệu BMNN được thể hiện ở hành vi vi phạm các quy định về sử dụng, vận chuyển, bảo quản, cất giữ tài liệu BMNN, làm cho các tài liệu BMNN thoát khỏi sự quản lý của người được giao quản lý, sử dụng, vận chuyển, bảo quản hoặc cất giữ. Hành vi vi phạm các quy định về sử dụng, vận chuyển, bảo quản, cất giữ thể hiện những hành động sau: Sử dụng tài liệu mật xong không cất vào tủ có khóa hoặc cất vào tủ nhưng không khóa an toàn dẫn đến bị mất tài liệu; vận chuyển tài liệu mật bằng phương tiện không đảm bảo an toàn, như sử dụng xe máy để vận chuyển tài liệu, dùng bao bì không đảm bảo an toàn để đóng, gói tài liệu mật dẫn đến tài liệu mật bị rơi, thất thoát; mang tài liệu đi công tác, về nhà riêng không xin phép cấp có thẩm quyền bị cướp trên đường hoặc kẻ trộm đột nhập lấy cắp; để quên tài liệu mật khi tham dự các hội nghị, hội thảo hoặc quên tài liệu mật ở khách sạn, nhà hàng ăn, quán giải khát... Nhìn chung tất cả những trường hợp này đều không tuân thủ quy định của pháp luật BMNN về sử dụng, vận chuyển, bảo quản, cất giữ tài liệu mật nên dẫn đến mất BMNN.

Đây là tội có cấu thành vật chất nên hậu quả là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Do đó, tội phạm hoàn thành từ thời điểm xảy ra hậu quả mất tài liệu BMNN và hậu quả đó là do chính người phạm tội gây ra. Tức là tội phạm hoàn thành từ thời điểm BMNN đó không còn thuộc quyền quản lý của người quản lý tài liệu, mặc dù sau đó có thể tìm lại tài liệu đã mất.

Việc có thể tìm thấy, tìm lại được tài liệu BMNN đã bị mất khi Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chứ không phải là tình tiết để loại trừ tội phạm.

Ví dụ: Phan Văn N là cán bộ thuộc cơ quan Y, N được lãnh đạo cơ quan giao quản lý, sử dụng 01 máy tính xách tay. Trong máy tính xách tay có lưu giữ nhiều thông tin, tài liệu BMNN của cơ quan Y thuộc các độ Mật khác

nhau. Sau giờ làm việc N mang tính về nhà riêng để buổi tối làm thêm, tuy nhiên N không xin phép lãnh đạo cơ quan và không thông báo cho cán bộ theo dõi công tác bảo mật của cơ quan. Đêm hôm đó, kẻ trộm đã đột nhập vào nhà riêng của N lấy đi một số tài sản, trong đó có chiếc máy tính xách tay lưu giữ tài liệu mật. Như vậy việc không tuân thủ quy định về sử dụng, bảo quản, cất giữ tài liệu mật, N đã làm mất tài liệu BMNN gây thiệt hại cho cơ quan.

2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện và với hậu quả do hành vi ấy gây ra cho xã hội. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm: Lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội. Các nội dung thuộc mặt chủ quan tội phạm có ý nghĩa và vị trí không giống nhau trong cấu thành tội phạm.

Lỗi là một dấu hiệu chủ quan bắt buộc của tất cả các cấu thành tội phạm (dấu hiệu định tội); động cơ phạm tội và mục đích phạm tội là dấu hiệu định tội của một số cấu thành tội phạm.

2.1.3.1. Mặt chủ quan của tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

Lỗi của người phạm tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt BMNN, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được việc làm lộ BMNN, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi nguy hiểm cho xã hội và có ý thức thực hiện tội phạm (thấy trước hậu quả của hành vi làm lộ BMNN, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN nhưng mong muốn hậu quả xảy ra). Người phạm tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt BMNN, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN nhận thức được hành vi của mình có hại cho Nhà nước, có hại cho xã hội, có hại cho tổ chức, cá nhân; thấy trước được hậu quả do hành vi gây ra sẽ bị thiệt hại về

chính trị, kinh tế, ngoại giao, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội nhưng mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

Động cơ phạm tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt BMNN, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN có thể là vì vụ lợi (mua bán) nhưng cũng có thể vì các động cơ cá nhân khác, như chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu BMNN nhằm phục vụ lợi ích kinh tế, trả thù người có trách nhiệm quản lý tài liệu BMNN hoặc cố ý làm lộ BMNN để triệt hạ uy tín của người có trách nhiệm quản lý tài liệu BMNN.

2.1.3.2. Mặt chủ quan của tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

Mặt chủ quan của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là dấu hiệu quan trọng để phân biệt tội cố ý và vô ý làm lộ BMNN. Lỗi của người phạm tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là lỗi vô ý. Người phạm tội không nhận thức được hành vi làm lộ, làm mất BMNN của mình nguy hiểm cho xã hội. Tuy có thể thấy trước hành vi đó có thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội hoặc có thể ngăn chặn được hoặc người phạm tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước.

Ví dụ: Nguyễn Văn Q chuyển tài liệu mật qua mail cho Trần Thị H thuộc một cơ quan X, tài liệu này đã bị cơ quan nước ngoài thu được. Do không có kiến thức về công nghệ thông tin nên H không thấy trước được hành vi chuyển tài liệu qua mail của mình có thể làm lộ BMNN gây thiệt hại cho cơ quan nhà nước, vì H cho rằng việc chuyển tài liệu qua mail sẽ không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào kiểm soát mail của H nên sẽ an toàn, không bị lộ BMNN, mặc dù H có thể thấy trước được hành vi của mình có thể làm lộ BMNN.

2.1.4. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do

luật hình sự quy định. Một người sẽ trở thành chủ thể của tội phạm nếu họ có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi mà luật hình sự quy định. Năng lực trách nhiệm hình sự thể hiện ở năng lực nhận thức ý nghĩa xã hội của hành vi mà người đó thực hiện và năng lực điều khiển hành vi của mình theo những đòi hỏi và chuẩn mực xã hội. Năng lực này được hình thành theo thời gian trong quá trình sống và hoạt động xã hội của chủ thể khi chủ thể đạt tới độ tuổi nhất định. Do đó, năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi chịu trách nhiệm là hai điều kiện của chủ thể tội phạm, là dấu hiệu bắt buộc của chủ thể tội phạm.

2.1.4.1. Chủ thể của tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

Chủ thể của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là bất kỳ người nào (có trách nhiệm đối với BMNN hoặc không có trách nhiệm đối với BMNN nhưng lại biết về BMNN) có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định thực hiện hành vi cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN. Trong đó, người có năng lực trách nhiệm hình sự là người khi thực hiện hành vi cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy.

Về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự: BLHS năm 1999 quy định:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;
2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [20, Điều 12].

Đối với tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu

BMNN, khung hình phạt lần lượt là: (1) Khung thứ nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên phạm tội với mức cao nhất của khung hình phạt là bảy năm; (2) Khung thứ hai áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên phạm tội với mức cao nhất của khung hình phạt là mười năm (tội nghiêm trọng); (3) Khung thứ ba áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên phạm tội với mức cao nhất của khung hình phạt là mười lăm năm (tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng).

Như vậy, chủ thể của các tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên nếu vi phạm Khoản 3 của Điều 263 BLHS.

2.1.4.2. Chủ thể của tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

Cũng như tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, chủ thể của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do luật định, cụ thể:

- Chủ thể của tội vô ý làm lộ BMNN là người biết về BMNN, có thể họ là người có trách nhiệm quản lý, giữ gìn bí mật đó và cũng có thể là người nào đó tuy không có trách nhiệm quản lý, lưu giữ nhưng biết BMNN mà vô ý làm lộ bí mật.

Ví dụ: Lái xe nghe được trao đổi của Thủ trưởng về BMNN, sau đó tiết lộ bí mật đó cho người khác.

- Chủ thể của tội làm mất tài liệu BMNN là những người được giao sử dụng, bảo quản, quản lý, vận chuyển, cất giữ... tài liệu BMNN, tức là những người có trách nhiệm với tài liệu BMNN.

Đối với tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN, khung hình phạt lần lượt là: (1) Khung thứ nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên phạm tội với mức cao nhất của khung hình phạt là ba năm; (2) Khung thứ

hai áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên phạm tội với mức cao nhất là bảy năm (tội nghiêm trọng).

Như vậy, chủ thể của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

2.2. Hình phạt

2.2.1. Khung hình phạt cơ bản

- Khoản 1 Điều 263 BLHS quy định *“Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”* [20]. Một người thực hiện hành vi cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN trong điều kiện thông thường sẽ bị áp dụng mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm và hình phạt này được áp dụng cho những trường hợp không có tình tiết tăng nặng định khung. Khung hình phạt cơ bản của Điều 263 BLHS năm 1999 không thay đổi so với Điều 92 BLHS năm 1985.

- Khoản 1 Điều 264 BLHS quy định *“Người nào vô ý làm lộ BMNN hoặc làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”* [20]. Như vậy, khung hình phạt cơ bản của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN được áp dụng với hai loại hình là cải tạo không giam giữ và phạt tù. Tùy mức độ lỗi, hậu quả của việc lộ hoặc mất BMNN mà người thực hiện hành vi sẽ bị áp dụng mức phạt phù hợp. Nếu so sánh với Điều 93 BLHS năm 1985 thì Điều 264 BLHS năm 1999 có sự sửa đổi, bổ sung về khung hình phạt cơ bản. Đó là tăng khung hình phạt cơ bản đối với phạt cải tạo không giam giữ từ một năm lên ba năm.

2.2.2. Khung hình phạt tăng nặng

- Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất:

+ Khoản 2 Điều 263 BLHS quy định *“Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm”* [20].

+ Khoản 2 Điều 264 BLHS quy định *“Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”* [20].

So với khung hình phạt tăng nặng thứ nhất tại Điều 92, 93 BLHS năm 1985 thì khung hình phạt tăng nặng thứ nhất quy định tại Điều 263, 264 BLHS năm 1999 không thay đổi.

- Khung hình phạt tăng nặng thứ hai: Khoản 3 Điều 263 BLHS quy định *“Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm”* [20]. So với Điều 92 BLHS năm 1985 thì Điều 263 có sự sửa đổi, bổ sung. Các dấu hiệu định khung mới “gây hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” được quy định trong điều luật.

Cho đến nay, liên ngành tư pháp Trung ương chưa có hướng dẫn xác định mức độ “gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” trong tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN; tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN. Tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2012 về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong tình hình mới”, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Điều 263, Điều 264 BLHS, nhưng văn bản này vẫn chưa được ban hành, gây khó khăn cho cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm BMNN.

2.2.3. Hình phạt bổ sung

- BLHS năm 1999 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”* [20, Điều 263 Khoản 4].

- BLHS năm 1999 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”* [20, Điều 264, Khoản 3].

So với Điều 92, 93 BLHS năm 1985 thì đây là hai quy định mới được bổ sung vào Điều 263, 264 BLHS năm 1999 một cách cụ thể, rõ ràng.

Như vậy, với các qui định tại các Điều 263, 264 BLHS năm 1999, các tội xâm phạm BMNN đã được quy định một cách rõ ràng hơn, chi tiết hơn. Điều này là cơ sở cho việc thực thi luật được minh bạch, thuận lợi và chính xác.

2.3. Thực tiễn áp dụng

2.3.1. Thực trạng lộ, mất bí mật nhà nước

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2004 đến năm 2014 xảy ra khoảng 510 vụ lộ, mất BMNN với trên 1.000 tin, tài liệu, vật mang BMNN về chủ trương, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước, an ninh, quốc phòng, ngoại giao; mật mã quốc gia; kinh tế, tổ chức nhân sự; chủ trương giải quyết tranh chấp về biên giới, biển đảo... được cung cấp cho các cơ quan nước ngoài hoặc thu thập của phía nước ngoài; tán phát trên mạng Internet, đăng công khai trên báo chí làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước [3]. Tình trạng lộ, mất BMNN thông thường xảy ra với nhiều hình thức khác nhau, trong đó chủ yếu lộ, mất qua các hình thức sau:

Lộ, mất BMNN do hoạt động đánh cắp của nước ngoài và bọn tội phạm: Những năm gần đây hoạt động thâm nhập nội bộ, cài cắm người của các cơ quan nước ngoài gia tăng nhằm thu thập, lấy cắp thông tin mật về chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại; bí mật kinh tế, khoa học-công nghệ; các loại khóa mã, từ điển mật mã, máy mã, các chương trình phần mềm; bí mật quân sự; vấn đề nhạy cảm về tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền... Cách thức tiến hành thu thập BMNN của các cơ quan này thường là lợi dụng các vị trí trong các cơ quan ngoại giao hoặc nhân viên các tổ chức quốc tế...; tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo; mời các đoàn cán bộ của nước ta ra nước ngoài tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm; thâm nhập vào cơ sở dữ liệu

máy tính; cài đặt mã độc, phần mềm gián điệp vào thiết bị soạn thảo, lưu giữ BMNN; tuyển dụng các hacker để tấn công, thâm nhập các mạng máy tính nhằm đánh cắp thông tin dữ liệu trên các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế thương mại... Ngoài ra, bọn tội phạm cũng tìm mọi cách để thu thập tin, tài liệu về các vụ việc, vụ án đang xác minh, điều tra; các biện pháp điều tra bằng cách tác động, mua chuộc, tạo quan hệ, tiếp xúc moi hỏi lãnh đạo, điều tra viên trực tiếp chỉ đạo, được giao nhiệm vụ điều tra... để thu thập thông tin BMNN phục vụ hoạt động phạm tội của chúng [6].

Lộ, mất BMNN qua thông tin liên lạc: Đây là hình thức lộ, mất phổ biến, nhất là qua Internet. Lực lượng chức năng đã phát hiện 418 vụ lộ, mất BMNN qua thông tin, liên lạc, trong đó có 363 vụ trên Internet. Một số phương thức thu thập bí mật qua Internet được sử dụng là: Cài đặt vi rút điện tử, phần mềm gián điệp; lỗ hổng bảo mật trang web, cổng thông tin điện tử; sơ hở yếu kém trong công tác quản lý; mất cảnh giác của người sử dụng dịch vụ (soạn thảo, lưu giữ thông tin, tài liệu mật trên máy tính kết nối Internet; gửi tài liệu BMNN qua email hoặc đường truyền chưa được bảo mật) [6].

Lộ, mất BMNN qua báo chí, xuất bản: Báo chí là công cụ, phương tiện tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp phần quan trọng trong đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng. Tuy nhiên, tình hình lộ, mất BMNN qua báo chí, xuất bản có những diễn biến phức tạp, có vụ lộ, mất BMNN nghiêm trọng liên quan đến kinh tế, đấu tranh chống tham nhũng. Một số cán bộ, công chức đã cung cấp thông tin có nội dung mật cho báo chí khi trả lời phỏng vấn; xuất bản ấn phẩm, sách có nội dung BMNN. Đã phát hiện 35 vụ lộ, mất BMNN qua báo chí, xuất bản [6].

Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN: Do ý thức chủ quan, mất cảnh giác, không tuân thủ quy định về soạn thảo, lưu giữ,

bảo quản, chuyển giao tin, tài liệu, vật mang BMNN dẫn đến lộ, mất tài liệu hoặc bị các đối tượng cướp giật, lấy cắp, như: Soạn thảo, lưu giữ tài liệu mật trên máy tính có kết nối Internet; chuyển giao tin, tài liệu mật qua đường truyền không bảo mật; mang tài liệu về nhà riêng bị đối tượng cướp hoặc lấy cắp; cho cán bộ, công chức, viên chức không có trách nhiệm, liên quan đến vụ, việc xem hoặc mượn tài liệu... Thực tế thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN tại các Bộ, ngành, địa phương đây là hình thức lộ, mất rất phổ biến.

Vì lợi ích cá nhân cung cấp, bán BMNN cho các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài: Đây là hành vi vi phạm rất nghiêm trọng, một số cán bộ, công chức, viên chức vì lợi ích kinh tế đã cung cấp, bán BMNN cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Đáng chú ý, có trường hợp cung cấp, bán BMNN cho nước ngoài trong nhiều năm với nhiều tài liệu quan trọng của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao... Lực lượng chức năng đã phát hiện, đấu tranh làm rõ nhiều vụ lộ, mất BMNN qua hình thức này.

Lộ, mất BMNN qua quan hệ hợp tác quốc tế: Một số cán bộ, công chức đã cung cấp BMNN cho các đối tác nước ngoài khi tham gia các hội nghị, hội thảo; đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế. Theo thống kê chưa đầy đủ đã xảy ra 30 vụ lộ, mất BMNN qua hình thức này [6].

Cùng với tình hình lộ, mất BMNN thì tình trạng mất an toàn của các website, cổng thông tin điện tử, hoạt động sử dụng virus, mã độc để thâm nhập máy tính lấy cắp dữ liệu làm gia tăng nguy cơ lộ, mất BMNN. Theo khảo sát của Hãng Microsoft, mỗi ngày tại Việt Nam có khoảng 175.000 máy tính bị nhiễm virus, mã độc. Các cơ quan nước ngoài đã sử dụng nhiều hình thức phát tán virus, mã độc khác nhau để thâm nhập lấy cắp dữ liệu, như: Thông qua các thiết bị di động, thiết bị lưu giữ (USB), qua email, website...

Đây là những nguy cơ có thể dẫn đến lộ, mất BMNN tại các cơ quan, tổ chức nhà nước, các doanh nghiệp, cá nhân nếu các máy tính, thiết bị lưu giữ BMNN không được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoặc thực hiện kết nối Internet vào máy tính lưu giữ thông tin BMNN [12].

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN; các báo cáo đánh giá về công tác triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ BMNN của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN (Bộ Công an) cho thấy, xảy ra tình trạng lộ, mất BMNN do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Các thế lực thù địch, bọn tội phạm sử dụng nhiều thủ đoạn, hoạt động tinh vi, xảo quyệt, triệt để lợi dụng quá trình hội nhập, mở cửa, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta để thu thập BMNN. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông, đã xuất hiện nhiều phương tiện thu, truyền tin, lưu trữ, sao chép tin hiện đại. Các cơ quan nước ngoài, bọn tội phạm đã triệt để lợi dụng những phương tiện này để thu thập BMNN. Trong khi đó, việc đầu tư trang thiết bị, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để đảm bảo an ninh mạng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ hiện nay (chủ yếu nhập thiết bị từ nước ngoài), như: Sử dụng phần mềm bảo mật không có độ tin cậy, chưa tương xứng với quy mô hệ thống, yêu cầu công tác bảo mật; việc đổi mới, nâng cấp thiết bị bảo mật, cập nhật thông tin, phát hiện, khắc phục lỗ hổng bảo mật chưa kịp thời... Đội ngũ cán bộ tin học, quản trị mạng, chuyên gia an ninh mạng còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu bảo mật thông tin mạng. Đây là điều kiện để các thế lực thù địch, bọn tội phạm phá hoại, đánh cắp thông tin, tài liệu BMNN.

Trong quá trình hợp tác kinh tế, các đối tác luôn tìm mọi cách để thu thập thông tin từ đối phương bằng nhiều hình thức, như: Tiếp xúc, moi hỏi,

dùng tiền, vật chất để trao đổi... nhằm giữ thế chủ động, giành phần thắng trong đàm phán; đấu thầu các dự án, chiếm lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường tạo ra thị trường mua, bán tin tức bất hợp pháp, trong đó tin bí mật luôn có giá trị cao nên đã kích thích hoạt động thu thập BMNN làm tăng nguy cơ lộ, mất BMNN [14].

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ BMNN chưa thường xuyên, hình thức tuyên truyền chưa phong phú nên nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, quần chúng nhân dân về công tác bảo vệ BMNN còn hạn chế; còn nhiều sơ hở trong soạn thảo, lưu giữ, in sao, chuyển giao, tiêu hủy... BMNN.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN chưa thường xuyên. Việc xử lý những trường hợp lộ, mất BMNN chưa nghiêm (chủ yếu xử lý bằng hành chính và kiểm điểm, phê bình) nên không có tác dụng răn đe.

2.3.2. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Theo thống kê, từ năm 2004 đến năm 2014, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp đã khởi tố 63 vụ, 213 bị can; truy tố 62 vụ, 199 bị can và xét xử 53 vụ, 177 bị cáo về Tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN; khởi tố, truy tố, xét xử 01 vụ, 1 bị cáo về Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN. Trong đó, có 36 bị cáo bị phạt tù từ 03 năm trở xuống; 16 bị cáo bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; 06 bị cáo cải tạo không giam giữ; 26 bị cáo được hưởng án treo; 04 bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự; 01 bị cáo từ đủ 16 đến 18 tuổi; 15 bị cáo từ 18 tuổi đến 30 tuổi; 06 bị cáo là nữ; 01 bị cáo là người dân tộc thiểu số; 01 bị cáo là người nước ngoài (kèm theo bảng 2.1 đến bảng 2.12) [24]; [25].

Như vậy so với số vụ lộ, mất BMNN đã xảy ra thì tỷ lệ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn rất thấp, đặc biệt là tỷ lệ khởi tố

điều tra chỉ đạt 12,5%. Trong khi đó, tỷ lệ truy tố so với số vụ đã khởi tố điều tra đạt 98%; tỷ lệ xét xử so với số vụ truy tố đạt 85,4%. Đối với tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN, trong nhiều năm nay ngành tư pháp rất ít thụ lý, xét xử những vụ án này (chỉ có 01 vụ, 01 bị cáo). Nghiên cứu thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử và công tác bảo vệ BMNN tại các Bộ, ngành, địa phương, cho thấy những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, nhiều vụ lộ, mất BMNN xảy ra trong thời gian dài mới được cơ quan chức năng phát hiện, bởi vì cơ quan chủ quản, người có trách nhiệm quản lý, lưu giữ BMNN không khai báo kịp thời hoặc không muốn khai báo vì sợ trách nhiệm hoặc không phát hiện BMNN bị mất. Chỉ khi BMNN được đăng công khai trên các phương tiện thông tin, truyền thông hoặc được các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc do cơ quan điều tra phát hiện trong quá trình điều tra vụ án khác thì cơ quan chủ quản, người có trách nhiệm mới báo cáo. Do đó việc điều tra gặp nhiều khó khăn, có những vụ không tìm được tài liệu mật bị mất, không xác định được đối tượng làm lộ.

Ví dụ vụ mất 02 tập hồ sơ lưu giữ tài liệu mật tại Công an huyện V, tỉnh H đã nêu ở tiểu mục 2.1.1.2. Sau khi phát hiện tài liệu mật bị mất, Công an huyện V đã tổ chức truy tìm, xác minh, làm rõ nhưng không tìm được tài liệu và đối tượng lấy cắp tài liệu.

Thứ hai, nhiều vụ lộ BMNN, đặc biệt là lộ trên các trang mạng Internet, cơ quan chức năng không xác định được nguồn lộ, nguyên nhân lộ, cơ quan, tổ chức cá nhân làm lộ nên không có căn cứ để khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra, làm rõ.

Thứ ba, các cá nhân để lộ, mất BMNN chủ yếu được các cơ quan chủ quản xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức hoặc kiểm điểm, phê bình trước tập thể hoặc điều chuyển công tác khác... Theo thống kê, các cơ quan, tổ chức Trung ương và địa phương đã xử lý kỷ luật đối với 185 cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ BMNN [3].

2.3.3. Định tội danh

Định tội danh là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đây là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, chính xác. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh. Những vướng mắc này chủ yếu phát sinh đối với những vụ án mà hành vi phạm tội của bị can, bị cáo không thể hiện một cách đặc trưng, rõ ràng các yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của người phạm tội có nhiều yếu tố khác nhau của các tội phạm khác nhau. Chúng tôi xin nêu một số vụ án cụ thể và một số quan điểm khác nhau xung quanh việc định tội danh đối với các tội xâm phạm BMNN:

Ví dụ vụ án: Lê Văn T, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Phương cùng ông Phùng Đức C, Giám đốc Công ty xây dựng Hiếu Ngân và ông Nông Xuân H, cán bộ Công ty vận tải dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam lên Ủy ban nhân dân tỉnh B tìm hiểu và xin tham gia vào các dự án phát triển kinh tế của tỉnh. Ông Nguyễn Công N, chuyên viên Nông lâm nghiệp đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giới thiệu với T, C, H về tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh B đã được triển khai, phân bổ cho các sở, ngành, các huyện, thị của tỉnh và đề nghị T, C, H gặp các sở, ban, ngành của tỉnh để trao đổi. Sau khi ông N thông báo tình hình, Lê Văn T, ông C, H đề nghị ông N cho mượn hoặc cho xin các tài liệu về chỉ tiêu kế hoạch kinh tế, các dự án của tỉnh để nghiên cứu tìm cơ hội việc làm cho Công ty. Ông N đã đưa cho T tập tài liệu về khoáng sản của tỉnh B và đưa cho ông C tập “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội năm 2003” (bản sao) và tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội năm 2004 của tỉnh B” (bản chính có đóng dấu Mật). Tuy nhiên, trước khi đưa cho ông C, ông N đã chủ động xóa dấu “Mật” ở tập tài liệu này. Ngày 07 tháng 4 năm 2004, Lê Văn T mượn lại của ông C tập “Chỉ

tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B” photocopy một bản và đưa lại cho ông C bản photocopy, còn T giữ lại bản chính để nghiên cứu về các chỉ tiêu vườn rừng, sau đó để cùng các tài liệu khác mà T đang nghiên cứu trong cặp xách tay. Ngày 14 tháng 5 năm 2004, T sang Trung Quốc gặp Trần Tiến C ở nhà máy xi măng Ninh Minh (C là bạn hàng của T) để bàn việc ký hợp đồng bán than cho nhà máy xi măng Ninh Minh. Khi đến cửa khẩu Chi Ma – Lạng Sơn, T mở cặp lấy chứng minh nhân dân trình Bộ đội biên phòng để xuất cảnh thì bị Bộ đội biên phòng phát hiện trong cặp của T có nhiều tài liệu, qua kiểm tra thấy có tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B” nên Đồn biên phòng cửa khẩu Chi Ma đã bắt giữ T.

Về tập “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B” là tài liệu mật do Ủy ban nhân dân tỉnh B phát hành và đã được gửi đến tất cả các Sở, ban, ngành, các doanh nghiệp nhà nước; các huyện, thị trong tỉnh để thực hiện. Ông N lưu giữ một tập để theo dõi tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của Sở Nông nghiệp.

Xung quanh nội dung vụ án này, có hai loại ý kiến về định tội danh như sau:

- Ý kiến thứ nhất cho rằng, Lê Văn T phạm tội “Chiếm đoạt tài liệu BMNN” quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999;
- Ý kiến thứ hai cho rằng, Nguyễn Công N phạm tội “Cố ý làm lộ BMNN” quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999.

Theo chúng tôi hành vi của Lê Văn T không phạm tội chiếm đoạt tài liệu BMNN, vì: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 263 BLHS năm 1999 thì “*Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN... thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*” [20]. Mặc dù điều luật không mô tả tội chiếm đoạt tài liệu BMNN là như thế nào, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy tội chiếm đoạt tài liệu BMNN là việc người phạm tội bằng các hành động như cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm... làm cho tài liệu

BMNN tách rời khỏi sự quản lý hợp pháp của người có trách nhiệm quản lý thành sở hữu hoặc quản lý bất hợp pháp của mình. Mặt khác, người phạm tội phải biết rõ tài liệu mình muốn chiếm đoạt là BMNN và mong muốn sở hữu tài liệu BMNN đó để phục vụ cho động cơ, mục đích cá nhân (vụ lợi, trả thù cá nhân, hạ uy tín...).

Đối chiếu với vụ án của Lê Văn T thì trường hợp của T không thỏa mãn yếu tố dùng mọi cách để chiếm giữ trái phép tài liệu mật do ông N quản lý. T không dùng thủ đoạn hoặc bất kỳ hành vi nào khác, như cướp, lấy trộm hay lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt bản “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004” của tỉnh B do ông N quản lý thành sở hữu của riêng T. Với mục đích rõ ràng ngay từ đầu, T cùng ông C, ông H lên tỉnh B là tìm cơ hội đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh B và T mong muốn được tìm hiểu các tài liệu liên quan dự án đang triển khai để nghiên cứu. Chính vì vậy, T ngỏ ý muốn mượn ông N hoặc xin ông N các tài liệu liên quan. Lê Văn T không nhận thức được tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004” của tỉnh B là tài liệu mật và không buộc phải biết tài liệu này là BMNN. Mặt khác, Ông N đã cho đồng ý cho nhóm ông T mượn tài liệu để nghiên cứu, trong đó có tài liệu mật do Ủy ban nhân dân tỉnh B phát hành, nhưng ông N đã chủ động xóa bỏ dấu mật đóng trên tài liệu. Theo tình tiết vụ án thì khi mượn lại ông C tập tài liệu của ông N, T không biết đây là tài liệu mật (do dấu mật đã bị xóa) và T chỉ giữ bản gốc để phục vụ nghiên cứu chứ không có mục đích chiếm đoạt tài liệu này thành sở hữu riêng hoặc mang sang cửa khẩu bán kiếm lời (T không có ý thức thực hiện việc chiếm đoạt). Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng minh Lê Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt tập tài liệu “*Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B*”. Như vậy, hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội chiếm đoạt tài liệu mật quy định tại Khoản 1 Điều 263 BLHS năm 1999. Đối với Nguyễn Công N là người được giao quản lý tập tài liệu

“Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B”. N biết đây là tài liệu mật, muốn cho người khác nghiên cứu, khai thác hoặc cung cấp phải được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Tuy nhiên, ông N vẫn cố ý xóa dấu mật để cung cấp cho ông C nên định tội danh Nguyễn Văn N phạm tội *“Cố ý làm lộ BMNN”* theo quy định tại Khoản 1 Điều 263 là có căn cứ pháp lý.

Hoặc vụ án: Ông Chu Đăng T, chuyên viên Cục Quản lý dược (Bộ Y tế) là người được lãnh đạo Bộ Y tế giao soạn thảo Công văn *“Đánh giá hoạt động của Công ty TNHH Zuellig Pharma Việt Nam”*. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế ký Công văn trên, ông T mang 09 bản đến Phòng Hành chính gặp bà Trần Thị Xuân D để lấy số và đóng dấu, đồng thời photo thêm 06 bản (tổng số là 15 bản), bà D đóng dấu Bộ Y tế và dấu đột Mật vào 14 bản để chuyển đến các nơi nhận theo quy định, lưu giữ 01 bản (bản lưu không đóng dấu đột Mật). Ngày 19 tháng 5 năm 2004, Nguyễn Thị Lan A là phóng viên Báo Tuổi trẻ thành phố H gọi điện cho Nguyễn Mạnh C (nhân viên Phòng Hành chính, Bộ Y tế) hỏi có tài liệu gì mới về Công ty Zuellig Pharma thì tìm và chuyển Lan A. Nhận được điện thoại của Lan A, Nguyễn Mạnh C đến Phòng Hành chính mở cặp tài liệu để trên bàn làm việc của bà Trần Thị Xuân D rút Công văn số 3497/YT-QLD đem đi photo 01 bản rồi trả bản gốc vào chỗ cũ. Sau đó, C chuyển giao cho Lan A bản photo Công văn trên, Lan A đã cho C 350. 000đ để trả công cho việc cung cấp Công văn trên. Cùng thời điểm này, tại trụ sở cơ quan Bộ Y tế có phóng viên Báo Lao động là Đặng Thị Thanh T qua trao đổi công việc, Lan A đã nói với Thanh T hiện đang có trong tay Công văn số 3497 của Bộ Y tế về thanh tra toàn diện Công ty Zuellig Pharma. Sau đó Lan A cùng Thanh T ra trước cổng Bộ Y tế photo thêm 01 bản đưa cho phóng viên Thanh T.

Cùng ngày hôm đó, phóng viên Đỗ Trung H Báo Nhân dân cũng điện thoại cho Lan A để hỏi thông tin công việc. Lan An cho Trung H biết hiện

đang có Công văn của Bộ Y tế gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị thanh tra toàn diện Công ty Zuellig Pharma. Biết được tin này, phóng viên Trung H xin Lan A tài liệu và được Lan A đồng ý (Lan A đưa cho Đỗ Trung H 01 bản photo Công văn 3497).

Ngày 20 tháng 5 năm 2004, nội dung Công văn 3497 của Bộ Y tế được đăng công khai trên Báo Nhân dân và Báo Tuổi trẻ thành phố H. Tương tự vụ án Lê Văn T, việc định tội danh vụ án này cũng có những ý kiến khác nhau:

Ý kiến thứ nhất cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội cố ý làm lộ BMNN quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999;

Ý kiến thứ hai cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt tài liệu BMNN quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999.

Ý kiến thứ ba cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt tài liệu của cơ quan nhà nước quy định tại Điều 268 BLHS năm 1999.

Căn cứ vào nội dung, tình tiết vụ án cho thấy do có sự thỏa thuận trước với Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Mạnh C đã thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt trái phép Công văn số 3497 ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Bộ Y tế đang trực tiếp quản lý. Sau khi chiếm đoạt được Công văn trên, Nguyễn Mạnh C đã photo và chuyển cho Nguyễn Thị Lan A. Tại thời điểm Nguyễn Mạnh C chiếm đoạt trái phép Công văn số 3497 của Bộ Y tế để chuyển cho Nguyễn Thị Lan A thì Công văn 3497 không được đóng dấu Mật theo quy định. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thị Lan A không nhận thức được Công văn 3497 là tài liệu mật và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Tuy nhiên, Nguyễn Mạnh C là nhân viên Phòng hành chính của Bộ Y tế nên C buộc phải biết những tài liệu thuộc danh mục BMNN của ngành Y tế và C cũng nắm rõ được vụ việc xảy ra tại Công ty Zuellig Pharma đang trong giai đoạn xác minh, làm rõ, cán bộ không có trách nhiệm không được tiếp cận thông tin và tiết lộ thông tin cho những

người không có trách nhiệm; Nguyễn Thị Lan A là phóng viên báo nên có trách nhiệm phải biết những thông tin nào được đăng công khai và chưa được đăng công khai trên báo. Do đó, chúng tôi đồng ý với ý kiến thứ 2: Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt BMNN, tội phạm và hình phạt được quy định Khoản 1 Điều 263 BLHS. Việc Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thị Lan A không nhận thức được Công văn số 3497 là tài liệu mật chỉ là tình tiết có thể được xem xét để giảm nhẹ hình phạt.

Ngoài ra, nghiên cứu Điều 263, Điều 264 BLHS năm 1999 thấy các dấu hiệu trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm chưa cụ thể, rõ ràng gây khó khăn cho việc định tội danh đối với loại tội phạm này, cụ thể:

Theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 thì:

BMNN là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [28, Điều 1].

Theo quy định tại Điều 263, 264 BLHS thì đối tượng BMNN bị xâm phạm chỉ là tài liệu. Như vậy các đối tượng khác như tin về vụ, việc, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng... không phải là đối tượng xâm phạm của các tội chiếm đoạt, tiêu hủy hoặc mua bán và mất tài liệu BMNN. Đây là nội dung cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện Điều 263, 264.

Về tiêu hủy BMNN: Điều 3 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 quy định “*Ng nghiêm cấm mọi hành vi... tiêu hủy trái phép BMNN*” [28]. Điều 21 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ BMNN quy định:

1. Việc tiêu hủy tài liệu, vật mang BMNN thuộc độ Tuyệt mật,

Tối mật và Mật ở các cơ quan, tổ chức ở Trung ương do cấp Cục trưởng (hoặc tương đương) quyết định, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Giám đốc sở (hoặc tương đương) quyết định;

2. Trong quá trình tiêu hủy tài liệu, vật mang BMNN phải được bảo đảm yêu cầu không để lộ, lọt BMNN...;

3. Trong trường hợp đặc biệt không có điều kiện tổ chức tiêu hủy tài liệu, vật mang BMNN theo các quy định trên, nếu tài liệu, vật mang BMNN không tiêu hủy ngay sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho an ninh, quốc phòng hoặc các lợi ích khác của Nhà nước thì người đang quản lý tài liệu, vật mang BMNN được quyền tự tiêu hủy nhưng ngay sau đó phải báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cơ quan công an cùng cấp... [7].

Như vậy BMNN có thể được tiêu hủy trên cơ sở quyết định của người có thẩm quyền và tuân thủ theo trình tự, thủ tục nhất định trong các trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 263 BLHS thì việc tiêu hủy BMNN (được phép hoặc không được phép) đều phạm tội tiêu hủy tài liệu BMNN. Chính vì quy định bất cập này nên trên thực tế chưa có vụ án nào về tiêu hủy tài liệu BMNN. Đây cũng là nội dung cần nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện Điều 263.

2.3.4. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bên cạnh thực tiễn có những trường hợp định tội danh không thống nhất thì cũng còn nhiều bất cập trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung. Qua nghiên cứu cho thấy, khó khăn trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng thường tập trung vào một số tình tiết như: “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Nhiều trường hợp không có cơ sở để đánh giá thế nào là “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng” hay “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.

Ví dụ vụ án: Dự án khu đô thị mới Phước Long thuộc phường Phước Long, thành phố Nha Trang với diện tích 48,2 ha nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005-2010 định hướng năm 2020; chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang. Quá trình triển khai thực hiện dự án do chưa thống nhất phương án thu hồ đất, đền bù giải tỏa nên một số hộ dân tập trung đông người kéo đến Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang, UBND tỉnh Khánh Hòa và Trụ sở Tiếp dân của Trung ương, Nhà nước ở Hà Nội để khiếu kiện. Ngày 18 tháng 6 năm 2010, Tổng Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1730/QĐ-TTCP thành lập Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh một số nội dung tố cáo, khiếu nại của công dân đối với dự án Phước Long. Khoảng đầu tháng 9 năm 2010 sau khi kết thúc thanh tra thực tế tại địa phương, đoàn thanh tra về Hà Nội chuẩn bị bản thảo Báo cáo kết luận thanh tra. Bản thảo được giao cho ông Trần Quốc T soạn thảo trên máy tính xách tay, đến ngày 06 tháng 10 năm 2010 các thành viên trong đoàn đã thống nhất nội dung dự thảo và cho in, sao 08 bản (cả bản gốc) để báo cáo lãnh đạo Thanh tra Chính phủ. Những người tham gia cuộc họp đều được nhận bản thảo, tuy nhiên cuộc họp bị hoãn nên các thành viên tham gia cuộc họp tự bảo quản tài liệu. Phạm H thành viên đoàn thanh tra đã dùng bút sửa một lỗi chính tả, sau đó nhờ Đỗ Thành L giữ hộ. Ngày 12 tháng 10 năm 2010 cuộc họp được thực hiện, thành phần họp gồm những người được phát bản thảo như đã nêu ở trên. Riêng Phạm H sử dụng bản thảo dự phòng do Trần Quốc T quản lý. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 588/2004/QĐ-BCA (A11) ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục BMNN độ Mật trong ngành Thanh tra thì bản thảo Kết luận thanh tra là tài liệu mật.

Trần Anh H, trú tại 23A, Đồng Đa, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa biết Thanh tra Chính phủ lập Đoàn thanh tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo liên

quan đến dự án Phước Long nên, vì động cơ cá nhân muốn có bản thảo Kết luận thanh tra với thủ đoạn gian dối là có đất của bản thân và người thân nằm trong dự án Phước Long nên đã móc nối, nhờ Nguyễn Mạnh H, thanh tra viên công tác tại Cục II, Thanh tra Chính phủ tìm cách lấy bản thảo Kết luận thanh tra. Đến cuối tháng 10, Nguyễn Mạnh H lấy được bản thảo Kết luận thanh tra trên bàn làm việc của Đỗ Thành L, H đã photo cất giữ 01 bản và trả bản gốc về chỗ cũ. Ngày 28 tháng 10 năm 2010, Nguyễn Mạnh H tiếp tục photo bản thảo Kết luận thanh tra, sau đó xé bỏ tờ đầu, tờ cuối của bản thảo rồi đến bưu điện chuyển phát nhanh cho Trần Anh H. Khi nhận được bản thảo, Trần Anh H tiếp tục yêu cầu Nguyễn Mạnh H gửi tờ đầu, tờ cuối. Ngày 08 tháng 11 năm 2010, Nguyễn Mạnh H lấy tờ cuối của bản thảo, dùng bút xóa phần nơi nhận và các địa chỉ công văn, tên, chức danh lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, sau đó fax cho Trần Anh H bằng máy fax của Thanh tra Chính phủ.

Sau khi nhận được tài liệu mật là bản thảo Kết luận thanh tra, Trần Anh H mang đến đưa cho Nguyễn Hữu D (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phước Long, là người bị kiến nghị xử lý) xem và gợi ý “chạy tội”; đưa Hoàng Minh T mượn xem, ông T đưa cho Bùi Văn C xem, ông C photo rồi chuyển đến một số người có nhà đất nằm trong dự án Phước Long và báo cho ông Trần Quốc T biết bản thảo Kết luận thanh tra đã bị lộ. Trần Anh H tiếp tục tán phát bản thảo đến Phạm Trung K, Phó phòng kinh tế, Ban thời sự, Đài truyền hình Việt Nam; Phùng Thế D là phóng viên báo văn nghệ trẻ khu vực Nam Trung bộ để nhờ làm phóng sự về dự án Phước Long. Quá trình đưa bản thảo cho Nguyễn Hữu D, Phạm Trung K, Phùng Thế D, Nguyễn Huy G xem; Trần Anh H luôn nhắc đây là tài liệu mật, đặc biệt của Thanh tra Chính phủ và yêu cầu không nói cho người khác biết. Nhiều đối tượng lấy nội dung bản thảo kết luận thanh tra làm đơn tố cáo, vu khống lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa, thành phố Nha Trang... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa. Sau đó 02 đối tượng Trần Anh H và Nguyễn Mạnh H bị Cơ quan an ninh điều tra bắt tạm giam về hành vi “cố ý làm lộ BMNN” theo Khoản 2 Điều 263 BLHS năm 1999.

Tại bản án sơ thẩm số 32/2013/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng Khoản 2 Điều 263 BLHS tuyên phạt Trần Anh H 06 năm tù, Nguyễn Mạnh H 05 năm tù về tội “Cố ý làm lộ BMNN”. Tại bản án Phúc thẩm số 107/2014/HS-PT ngày 19 tháng 02 năm 2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng áp dụng Khoản 2, Điều 263 BLHS tuyên phạt Trần Anh H 04 năm 06 tháng tù, Nguyễn Mạnh H 04 năm tù về tội “Cố ý làm lộ BMNN”.

Tuy nhiên, xung quanh vụ án có 02 quan điểm khác nhau về áp dụng tình tiết tăng nặng:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, Nguyễn Mạnh H chỉ phạm tội thuộc Khoản 1 Điều 263, hành vi làm lộ BMNN của H không nghiêm trọng, bởi vì H không có động cơ vụ lợi trong vụ án này mà chỉ xuất phát từ tình cảm quen biết với Trần Anh H, Nguyễn Mạnh H không biết Trần Anh H đưa bản dự thảo cho ai. Đối với dự án Phước Long, người dân đã có khiếu nại, tố cáo từ trước khi có bản dự thảo báo cáo thanh tra và nội dung khiếu nại, tố cáo của người dân Phước Long là có căn cứ nên hậu quả làm lộ BMNN của Nguyễn Mạnh H không có gì nghiêm trọng.

Quan điểm thứ hai cho rằng, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã xét xử đúng người, đúng tội, bởi vì Nguyễn Mạnh H là thanh tra viên công tác tại Thanh tra Chính phủ, Nguyễn Mạnh H biết bản thảo Kết luận thanh tra dự án Phước Long là tài liệu mật, nhưng vẫn tìm cách lấy từ ông Đỗ Mạnh L và gửi cho Trần Anh H. Trần Anh H đã phát tán bản thảo Kết luận cho nhiều người, nhiều đối tượng đã lợi dụng

làm đơn tố cáo, vụ không nhiều đồng chí cán bộ tỉnh Khánh Hòa, thành phố Nha Trang, kích động tập trung đông người kéo đến các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước tại Hà Nội và Khánh Hòa gây phức tạp về an ninh, trật tự; nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu này như tài liệu chính thức để chất vấn, kiến nghị, yêu cầu loại bỏ nhân sự bầu cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2011 - 2016; các thế lực thù địch dựa vào nội dung bản thảo Kết luận thanh tra để viết bài xuyên tạc, vu khống chính quyền vi phạm dân chủ, nhân quyền. Do đó, hành vi cố ý làm lộ BMNN của Nguyễn Mạnh H đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến uy tín của nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, chúng tôi đồng ý với quan điểm thứ hai, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã áp dụng Khoản 2 Điều 263 tuyên xử các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, nghiên cứu quy định về tình tiết tăng nặng định khung quy định tại Điều 263, Điều 264 thấy có một số khó khăn, vướng mắc sau:

Cho đến nay Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các ngành tư pháp trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về các tình tiết các tình tiết tăng nặng định khung “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Đây là một khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi xác định các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Có một số quan điểm khác nhau về xác định tình tiết tăng nặng định khung đối với các tội xâm phạm BMNN:

Quan điểm thứ nhất: Căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ BMNN số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng của loại tội phạm này được xác định bởi giá trị của tài liệu mật đó là tính chất quan trọng của tài liệu, mức độ nguy hại nếu tài liệu mật đó bị tiết lộ, bị

chiếm đoạt, bị tiêu hủy hoặc bị mua bán. Nói cách khác hậu quả xảy ra được căn cứ vào mức độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật của tài liệu. Mật khác cũng phải căn cứ vào hậu quả thực tế xảy ra, sự nguy hại đến đâu để đánh giá tính nghiêm trọng hay mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Có thể việc chiếm đoạt tài liệu Tuyệt mật nhưng hậu quả chưa xảy ra ít nghiêm trọng hơn việc chiếm đoạt tài liệu Tối mật nhưng lại gây ra hậu quả rất nghiêm trọng. Mức độ nghiêm trọng của hậu quả không chỉ được xác định bằng vật chất mà còn có thể là phi vật chất. Chẳng hạn một BMNN nào đó bị tiết lộ có thể gây xôn xao dư luận, đồn thổi thông tin, bóp méo thông tin... tạo ra sự lo lắng, hoài nghi, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội [16].

Quan điểm thứ hai cho rằng, hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do hành vi xâm phạm BMNN gây ra chủ yếu là những thiệt hại phi vật chất, ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, kế hoạch của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, trong một số trường hợp hành vi xâm phạm BMNN cũng gây ra thiệt hại vật chất. Nếu là thiệt hại vật chất, có thể coi là hậu quả nghiêm trọng nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng (tương đương với hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng). Nếu là hậu quả khác thì phải tùy vào từng trường hợp cụ thể, như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh, trật tự, an toàn xã hội... để đánh giá mức độ hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng.

Nghiên cứu hai quan điểm nêu trên, chúng tôi thấy mỗi quan điểm đều đưa ra những căn cứ phù hợp để đánh giá, bảo vệ quan điểm của mình. Tuy nhiên, điểm chung của hai quan điểm là đều định hướng xác định tình tiết tăng nặng của các tội xâm phạm BMNN là căn cứ vào thiệt hại vật chất và phi vật chất do tội phạm gây ra, trong đó quan điểm thứ nhất đưa ra thêm căn cứ

vào tính chất, mức độ mật của tài liệu mật bị xâm phạm. Chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ nhất hơn, tuy nhiên ngoài căn cứ vào tính chất quan trọng, mức độ mật của BMNN bị xâm hại, hậu quả về vật chất, phi vật chất, chúng ta cần phải căn cứ vào lỗi của người phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, thiệt hại gây ra cho xã hội, phạm vi thiệt hại... Nếu thiệt hại càng lớn thì mức độ tăng nặng càng nhiều.

Mặt khác, đối với Điều 263 BLHS, trong khung hình phạt tăng nặng, điều luật chỉ quy định các tình tiết tăng nặng về hậu quả của hành vi phạm tội mà không quy định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác có thể xảy ra đối với loại tội phạm này, như các tình tiết: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, phạm tội nhiều lần, làm lộ hoặc chiếm đoạt, tiêu hủy, mua bán tài liệu BMNN với số lượng lớn, có tổ chức...; trong khung hình phạt tăng nặng quy định tại Điều 264 chỉ quy định tình tiết tăng nặng gây hậu quả nghiêm trọng, chưa quy định tình tiết tăng nặng định khung đối với hành vi gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Đây là những vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện Điều 263, Điều 264 BLHS.

2.3.5. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử một số vụ án xâm phạm BMNN, thấy việc áp dụng hình phạt chính trong mỗi vụ án cũng có sự khác nhau. Dưới đây là ví dụ hai vụ án:

Vụ án thứ nhất, Ngô Văn T (Quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc) cùng đồng bọn sao chép thông tin dữ liệu tài khoản của khách hàng tại máy rút tiền ATM của Ngân hàng Đông Á đã nêu ở phần mặt khách quan của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN. Ngô Văn T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội chiếm đoạt tài liệu BMNN.

Vụ án thứ hai: Nguyễn H, Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Cục

sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) được giao nhiệm vụ trực tiếp quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu sở hữu công nghiệp, chức các thông tin về tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nộp cho Cục sở hữu trí tuệ để bảo hộ. Năm 2006, khi tham gia khóa đào tạo “Chính sách thông tin sở hữu trí tuệ” ở nước ngoài, Nguyễn H gặp Brigita Best, Giám đốc Công ty Avantiq. Đầu năm 2011, Brigita cùng Larissa Best (phụ trách kinh doanh Công ty Avantiq) liên hệ, thỏa thuận với Nguyễn H về việc mua bán cơ sở dữ liệu nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam. Từ đầu năm 2011 đến giữa năm 2011, Nguyễn H đã truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu Cục sở hữu trí tuệ sao chép khoảng 40GB dữ liệu về bản quyền nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam từ năm 1982 đến năm 2010 và bản cập nhật dữ liệu từ tháng 01 đến tháng 6/2011, trong đó có khoảng 600 Đơn đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam chưa công bố lưu giữ vào ổ cứng di động và chuyển phát nhanh cho Công ty Avantiq. Công ty Avantiq đã thanh toán cho Nguyễn H làm 03 đợt, trong đó đợt 1: 1.250 USD; đợt 2: 16.250 USD; đợt 3: 7.500 USD qua tài khoản ngoại tệ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt (VIB). Sau đó, H tiếp tục thỏa thuận mua bán dữ liệu hàng hóa Việt Nam 08 tháng đầu năm 2011 với giá 5.000 USD. Sau khi nhận được tài liệu ngày 08 tháng 01 năm 2012, Công ty Avantiq chuyển vào tài khoản của H 5.000 USD. Tổng cộng Nguyễn H đã nhận của Công ty Avantiq 30.000 USD (tương đương 620 triệu đồng). Ngoài ra, Nguyễn H còn liên hệ trao đổi với 01 công ty khác để bán các dữ liệu nhưng không thỏa thuận được do phía đối tác yêu cầu phải có xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ. Theo quy định tại Quyết định số 409/2004/QĐ-BCA ngày 05 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục BMNN độ Mật thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thì “Các sáng chế, giải pháp hữu ích đã nộp đơn đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ chưa công bố” thuộc danh mục BMNN độ Mật; cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp và

nhãn hiệu nói riêng thuộc quyền quản lý của Cục sở hữu trí tuệ, các cá nhân, cán bộ, công chức thuộc Cục Sở hữu trí tuệ không được phép giao dịch mua bán, dù chỉ một phần cơ sở dữ liệu để thu lời cá nhân.

Tại bản án sơ thẩm số 353/2013/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1, Khoản 4 Điều 263 BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn H 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt 05 triệu đồng về tội chiếm đoạt, mua bán tài liệu BMNN.

So sánh hình phạt áp dụng với hai bị cáo của hai vụ án thấy có sự khác nhau. Với hành vi chiếm đoạt tài liệu BMNN, Ngô Văn T bị tuyên phạt 30 tháng tù giam, nhưng với hành vi chiếm đoạt, mua bán BMNN, Nguyễn H chỉ bị tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ. Rõ ràng hành vi của Nguyễn H là nguy hiểm hơn, gây hậu quả nghiêm trọng hơn (ngoài chiếm đoạt, H còn bán bí mật cho công ty nước ngoài để thu lời hơn 600 triệu đồng) nhưng Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn. Điều này là không phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra cũng như ảnh hưởng đến tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật, tính răn đe người khác.

Đối với hình phạt bổ sung: Nghiên cứu kết quả xét xử một số vụ án xâm phạm BMNN, Tòa án rất ít áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo phạm tội xâm phạm BMNN. Đối với vụ án Nguyễn H chiếm đoạt, mua bán tài liệu mật, Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 5 triệu đồng đối với Nguyễn H, nhưng không áp dụng hình phạt bổ sung liên quan đến chức vụ của H mặc dù H là người có chức vụ (Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Cục Sở hữu trí tuệ). Tương tự vụ án Phạm Thiên H phạm tội chiếm đoạt, mua bán BMNN, Tòa án nhân dân thành phố H cũng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Thiên H, nhân viên kinh doanh của ngân hàng hoặc vụ án Nguyễn Mạnh H phạm tội cố ý làm lộ BMNN (thanh tra viên Cục II, Thanh tra Chính phủ). Đây là vấn đề cần bồi

duỡng, nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

2.3.6. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN và thực tiễn áp dụng, tác giả luận văn rút ra một số nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng các tội xâm phạm BMNN như sau:

Một là, một số quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN chưa cụ thể, rõ ràng; chậm được sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn áp dụng của liên ngành tư pháp trung ương.

Hai là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN cho cán bộ, quần chúng nhân dân chưa thường xuyên; hình thức chưa phong phú nên nhận thức của một bộ phận cán bộ và quần chúng nhân dân về bảo vệ BMNN còn hạn chế dẫn đến tình trạng lộ, mất BMNN và ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, truy tố, xét xử của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác này.

Ba là, kiến thức, nhận thức của một bộ phận cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn hạn chế. Một số điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán chưa nhận thức đúng, sâu sắc về BMNN, tầm quan trọng của công tác bảo vệ BMNN và nhiệm vụ bảo vệ BMNN; năng lực, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; công tác tập huấn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm tiến hành chưa thường xuyên dẫn đến chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử chưa cao.

Bốn là, việc trao đổi thông tin, chứng cứ ban đầu, việc phân loại đối tượng, quan điểm xử lý đối tượng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN chưa thường xuyên, kịp thời; quan hệ phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan giám định

chưa chặt chẽ, nhiều vụ án thời hạn điều tra kéo dài do gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định [23].

Năm là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa nâng cao vai trò, chức năng giám sát đối với các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Vai trò giám sát của quần chúng nhân dân và các phương tiện truyền thông đại chúng đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử còn hạn chế và gặp khó khăn, vướng mắc bởi các quy định của pháp luật có liên quan.

Sáu là, nước ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên các thế lực thù địch và bọn tội phạm lợi dụng quá trình hợp tác để tiến hành thu thập, chiếm đoạt BMNN. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin làm gia tăng nguy cơ lộ, mất BMNN bởi bọn tội phạm mạng và hacker, trong khi đó trình độ, kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn hạn chế gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này.

Kết luận chương 2

BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã quy định cụ thể các tội xâm phạm BMNN tại 02 điều luật riêng biệt; trong đó, quy định cụ thể hình phạt cơ bản, tăng nặng định khung và hình phạt bổ sung tạo cơ sở pháp lý để cơ quan, người tiến hành tố tụng áp dụng, thực hiện trong thực tiễn. Việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN trong những năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng; các vụ án xâm phạm BMNN được các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án thụ lý điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này, cho thấy một số quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN vẫn còn những vướng mắc, bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung (dấu hiệu về mặt khách quan của tội phạm chưa được quy định cụ thể; chưa có hướng dẫn của liên ngành tư pháp Trung ương về áp các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; khung hình phạt giữa các tội chưa hợp lý...) dẫn đến hiệu quả áp dụng chưa cao, chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chương 3

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Đất nước ta đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, bên cạnh những thời cơ, vận hội mới, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới. Thời gian tới, các thế lực thù địch và bọn tội phạm sẽ triệt để lợi dụng điều kiện mở cửa, hội nhập, quá trình toàn cầu hóa, quyền tự do thông tin, sử dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại để thu thập BMNN nhằm mục đích chống phá Việt Nam. Các cuộc tấn công có chủ đích và sử dụng mã độc, phần mềm gián điệp tiếp tục gia tăng và nhằm vào cơ sở hạ tầng thông tin xung yếu. Bí mật xâm nhập và chiếm quyền điều khiển máy tính của người dùng để khai thác thông tin mật đang là xu hướng tấn công của các hacker dưới sự bảo trợ của một số quốc gia, cơ quan đặc biệt nước ngoài. Trong khi đó, nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nên cần thu hút đầu tư nước ngoài, tận dụng những kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để phát triển kinh tế - xã hội; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch thông tin là yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập, đặc biệt là việc xây dựng Chính phủ điện tử, ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động của đời sống xã hội... Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường tạo ra nhiều yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó có cả những thông tin thuộc BMNN. Mặt trái của kinh tế thị trường cũng tạo ra thị trường mua bán tin tức bất hợp pháp, trong đó tin mật luôn có giá trị cao. Những điều này dẫn đến nguy cơ lộ, mất BMNN là rất cao và làm gia tăng tội phạm xâm phạm BMNN. Bên cạnh đó, pháp luật về bảo vệ BMNN, pháp luật hình sự về xử lý các tội xâm phạm

BMNN của nước ta còn có những sơ hở, thiết sót; một số quy định vướng mắc, bất cập chậm được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện... Đây là những kẽ hở để bọn tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội, gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét của các cơ quan tiến hành tố tụng. Để nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN trong thời gian tới, tác giả đề tài đề xuất, kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm BMNN và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN như sau:

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm bí mật nhà nước

3.1.1. Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 263

Như đã phân tích ở mục 2.1.2.1, Điều 263 BLHS là một tội ghép của bốn hành vi phạm tội khác nhau; hành vi mua bán tài liệu BMNN nguy hiểm hơn hành vi chiếm đoạt hoặc tiêu hủy tài liệu BMNN. Mặt khác, mặt khách quan của các tội phạm này cũng không giống nhau, nhưng lại có chung một chế tài hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Theo chúng tôi, đây là điều không hợp lý. Vì vậy, kiến nghị tách Điều 263 thành 4 Điều luật riêng biệt, quy định cụ thể và rõ ràng hành vi khách quan để dễ áp dụng hơn. Đồng thời tại các điều luật mới sẽ không sử dụng thuật ngữ “tài liệu BMNN” mà thống nhất sử dụng thuật ngữ “BMNN” cho phù hợp với quy định của Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 về khái niệm BMNN; tội tiêu hủy tài liệu BMNN sửa thành tội tiêu hủy trái phép BMNN cho phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN và sửa đổi khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn cho tội phạm này. Sửa đổi cụ thể như sau:

Điều 263. Tội cố ý làm lộ BMNN

1. Người nào cố ý làm cho người khác biết về BMNN thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263a. Tội chiếm đoạt BMNN

1. Người nào chiếm giữ trái phép BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263b. Tội mua bán BMNN

1. Người nào dùng tiền hoặc các lợi ích vật chất khác mua, bán BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu

đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263c. Tội tiêu hủy trái phép BMNN

1. Người nào tiêu hủy trái phép BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;
2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;
3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm [28].

Ngoài ra, chúng tôi kiến nghị các nhà làm luật nghiên cứu, bổ sung các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác có thể xảy ra đối với loại tội phạm này để hoàn thiện Điều 263. Ví dụ như các tình tiết: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội nhiều lần, làm lộ hoặc chiếm đoạt, tiêu hủy trái phép, mua bán nhiều BMNN.

3.1.2. Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 264

Cũng như Điều 263, tội vô ý làm lộ BMNN và làm mất tài liệu BMNN là hai tội danh hoàn toàn độc lập, không có mối quan hệ với nhau. Nếu người phạm tội vừa làm lộ BMNN, vừa làm mất tài liệu BMNN thì họ phạm hai tội. Tòa án tuyên và áp dụng hình phạt của từng tội và tổng hợp hình phạt chung của hai tội phạm đó theo quy định tại Điều 50 BLHS; mặt khác hai tội này khác nhau ở cả chủ thể, mặt khách quan của tội phạm nên chúng tôi kiến nghị nhà làm luật tách thành hai điều luật, quy định hai tội phạm riêng biệt, quy định cụ thể và rõ ràng hành vi khách quan. Đồng thời sử dụng thống nhất thuật ngữ “BMNN” thay thuật ngữ “tài liệu BMNN”; bổ sung tình tiết tăng

nặng về hậu quả của hành vi phạm tội (rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng). Kiến nghị sửa đổi cụ thể như sau:

Điều 264. Tội vô ý làm lộ BMNN

1. Người nào không thực hiện đúng các quy định về bảo vệ BMNN mà vô ý làm cho người khác biết về BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 264a. Tội làm mất BMNN

1. Người nào làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

3.1.3. Kiến nghị xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Các tình tiết tăng nặng “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 263, Điều 264 BLHS chưa được hướng dẫn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi xác định các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị liên ngành tư pháp Trung ương sớm ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn xác định tình tiết “hậu quả nghiêm

trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” theo hướng sau:

Xác định “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” đối với các tội phạm xâm phạm BMNN căn cứ vào tính chất quan trọng của BMNN, phạm vi ảnh hưởng, mức độ nguy hại của BMNN bị lộ, mất: Hậu quả của việc để mất BMNN độ Tuyệt mật sẽ nghiêm trọng hơn BMNN độ Tối mật, độ Mật; lộ, mất BMNN có phạm vi ảnh hưởng đến cả quốc gia sẽ nghiêm trọng hơn việc lộ, mất BMNN có phạm vi ảnh hưởng trong một cơ quan, đơn vị, đặc biệt là BMNN liên quan đến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an ninh, quốc phòng, đối ngoại, kinh tế... Ví dụ: Lộ hoặc mất BMNN là phương án phòng thủ đất nước sẽ nghiêm trọng hơn lộ hoặc mất BMNN là phương án phòng thủ một tỉnh; lộ hoặc mất BMNN là mật mã quốc gia sẽ nghiêm trọng hơn lộ hoặc mất BMNN là thông tin về một vụ án hình sự đang trong giai đoạn điều tra; đối tượng chiếm đoạt BMNN có độ mật Tối mật nhưng chưa sử dụng BMNN đã chiếm đoạt để gây hậu quả cho xã hội thì mức độ nghiêm trọng sẽ không bằng trường hợp chiếm đoạt BMNN độ Mật rồi bán cho nhiều người hoặc cho nhiều người khác biết gây hoang mang trong dư luận, phức tạp về an ninh, trật tự.

Tuy nhiên, việc xác định các tình tiết này cũng phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể hoặc mức độ nguy hại, hậu quả xảy ra của BMNN bị lộ, mất. Ví dụ: BMNN bị lộ, mất có độ mật Tuyệt mật nhưng đã kịp thời xóa lộ, khắc phục hậu quả sẽ không nghiêm trọng bằng BMNN có độ mật Tối mật bị lộ trong phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; phương án phòng thủ của một tỉnh được xác định là BMNN, nếu một công dân Việt Nam thuộc tỉnh B biết được phương án phòng thủ của tỉnh mình thì hậu quả không nghiêm trọng bằng việc cơ quan nước ngoài biết được phương án phòng thủ của tỉnh này.

Đối với những vụ án lộ hoặc mất BMNN mà hậu quả xảy ra có thiệt hại về vật chất (lộ hoặc mất BMNN liên quan đến vấn đề kinh tế; sáng chế; giải pháp hữu ích...), theo chúng tôi, có thể coi là hậu quả nghiêm trọng nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng (tương đương với hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng); rất nghiêm trọng, nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ 300 triệu đồng đến dưới một tỷ đồng; đặc biệt nghiêm trọng, nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ một tỷ đồng trở lên.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

3.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

Tuyên truyền, giáo dục, pháp luật về bảo vệ BMNN có ý quan trọng trong áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN. Trước tiên, cần chú trọng phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ này trong công tác bảo vệ BMNN. Việc tuyên truyền, phổ biến phải được tiến hành bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng cơ quan, đơn vị, địa bàn và phải tiến hành thường xuyên; trong đó, tập trung tuyên truyền, phổ biến bằng các hình thức: In sách, ấn phẩm, tổ chức hội nghị phổ biến, phổ biến trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, đơn vị, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, sao gửi văn bản hoặc tổ chức cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ BMNN... Qua công tác tuyên truyền phải làm cho cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng nhân dân hiểu và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN; trách nhiệm của công dân trong bảo vệ BMNN, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ BMNN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị để họ phát huy tốt nhất vai trò

tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN. Bên cạnh việc phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN để cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng nhân dân nắm vững thực hiện, cần tuyên truyền, phổ biến âm mưu, thủ đoạn hoạt động thu thập BMNN của các cơ quan nước ngoài, phần tử xấu và bọn tội phạm để cán bộ, quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, ý thức cách mạng kịp thời phát hiện hoạt động thu thập BMNN, thông tin nội bộ của bọn chúng, hạn chế thấp nhất nguy cơ lộ, mất BMNN.

Quán triệt các cơ quan, tổ chức, đơn vị tăng cường công tác bảo vệ BMNN trong thông tin liên lạc, quan hệ tiếp xúc với nước ngoài, trong sản xuất, lưu hành, bảo quản, chuyển giao, truyền tải BMNN, cung cấp thông tin cho báo, đài. Trong đó, đặc biệt chú trọng bảo vệ BMNN trong thông tin liên lạc, vì đây là con đường dễ lộ, mất BMNN nhất; các cơ quan nước ngoài, bọn tội phạm đang triệt để lợi dụng con đường này để thâm nhập thu thập BMNN.

Ngoài việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ BMNN của cán bộ, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân nói chung thì việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN cho đội ngũ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN nói riêng cần được quan tâm, chú trọng cả về thời lượng và chất lượng tuyên truyền, vì đây là lực lượng trực tiếp áp dụng pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN. Những cán bộ này phải được tuyên truyền, phổ biến thường xuyên hoặc theo định kỳ với các tài liệu phổ biến chuyên sâu; báo cáo viên phổ biến phải là người có năng lực, trình độ, khả năng truyền đạt, kinh nghiệm nhiều năm trong công tác bảo vệ BMNN... nhằm trang bị

kiến thức về BMNN, danh mục BMNN, quy định pháp luật hình sự, hành chính về BMNN cho đội ngũ cán bộ này để áp dụng hiệu quả trong thực tiễn.

Cuối cùng, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN phải đảm bảo phương châm “chủ động phòng ngừa, kiên quyết không để lộ, mất BMNN là chính”, bởi đây là luận điểm cốt lõi, xuyên suốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia mà bảo vệ BMNN là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia.

3.2.2. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Trong suốt quá trình phát triển, công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của ngành tư pháp luôn được đặt ở vị trí trung tâm với phương châm “cán bộ là nòng cốt cho hiệu quả công việc”. Vì vậy, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án để đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị, trình độ, năng lực chuyên môn và trách nhiệm công vụ để làm tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN.

Ngoài kinh nghiệm thực tiễn, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán... cả về phẩm chất, trình độ, kỹ năng công tác và kinh nghiệm thực tiễn thông qua việc phát triển nguồn nhân lực làm công tác này. Việc đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào những nội dung sau:

Thứ nhất, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử

các tội xâm phạm BMNN phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, trách nhiệm công vụ và có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh; không phiến hà, sách nhiễu trong khi thực hiện công vụ. Luôn nêu cao ý thức tự giác, tinh thần đấu tranh chống tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử để đảm bảo những cán bộ này không bị sa ngã, thoái hóa, biến chất, thiếu bản lĩnh trong đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm BMNN; không để lọt tội phạm, làm oan người vô tội. Tuy nhiên, để làm được điều này đòi hỏi phải thực hiện tốt một số công việc:

Một là, phải quán triệt sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ BMNN, đường lối xử lý tội phạm BMNN; cụ thể hóa bằng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN;

Hai là, tổ chức các lớp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; phấn đấu 100% cán bộ làm công tác này có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên;

Ba là, lấy kết quả học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá, xếp loại cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN trong phân loại cán bộ hàng năm.

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức pháp luật, nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN và tinh thần tự tôn nghề nghiệp, phụng sự pháp luật của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phải có kiến thức về BMNN và nắm vững các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN, danh mục BMNN của các Bộ, ngành, địa phương; có năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, vận dụng

thành thạo các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Để đạt được kết quả nêu trên, đòi hỏi lãnh đạo cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án phải quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu và kiến thức pháp luật cho các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán. Việc đào tạo, bồi dưỡng phải được tiến hành thường xuyên, liên tục theo chuyên đề bảo vệ BMNN bằng các hình thức phù hợp, như: Mở các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về BMNN, công tác bảo vệ BMNN; điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; tổ chức những cuộc hội thảo chuyên đề về điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để trao đổi, thảo luận những kinh nghiệm hay, khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần tập trung vào việc tập huấn những văn bản quy phạm pháp luật mới, văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về BMNN, công tác bảo vệ BMNN; kỹ năng điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; rút kinh nghiệm trong điều tra, truy tố, xét xử cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán; giải đáp những vấn đề nghiệp vụ hoặc những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự quy định về các tội xâm phạm BMNN; đồng thời tập huấn các kiến thức mới liên quan tới công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN, đặc biệt là các thủ đoạn mới trong mua bán, chiếm đoạt BMNN gây bức xúc trong tình hình hiện nay. Sau đào tạo, bồi dưỡng phải có kiểm tra, đánh giá nhằm thúc đẩy công tác nghiên cứu, học tập nhiệm vụ chuyên môn.

Thứ ba, công tác đào tạo, bồi dưỡng phải gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN; động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử loại tội

phạm này. Đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tiêu cực trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để tạo ra sự công bằng và động lực nâng cao chất lượng, đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng bộ đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác này.

3.2.3. Nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi cán bộ trực tiếp làm công tác này phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ pháp luật và năng lực chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN:

Thứ nhất, tiến hành rà soát lại trình độ, năng lực của đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán; đánh giá, phân loại khả năng giải quyết công việc thực tế của họ để đề xuất biện pháp đào tạo, bố trí, giao nhiệm vụ một cách hợp lý. Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN thì tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực pháp luật của các chủ thể tiến hành tố tụng là nhân tố vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật được đầy đủ, chính xác; tạo uy tín cho cơ quan điều tra, ngành kiểm sát, tòa án.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phải luôn tự nghiên cứu, học hỏi trau dồi kiến thức về BMNN, bảo vệ BMNN, quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN để áp dụng pháp luật một cách chính xác, khách quan, toàn diện. Để định tội danh, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và quyết định hình phạt đúng, cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử phải có kiến thức về BMNN, nắm vững các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN, danh mục BMNN, quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN làm

căn cứ cho việc xác định có tội phạm hay không có tội phạm, ai là người thực hiện hành vi phạm tội; mức độ nguy hại, sự an toàn của BMNN bị xâm hại, đối tượng bị xâm phạm... để định tội danh được chính xác. Kết quả định tội danh chính xác là tiền đề quan trọng cho việc truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và quyết định hình phạt phù hợp.

Ví dụ: Đối tượng bị xâm phạm của Điều 327 BLHS là bí mật quân sự, tài liệu bí mật quân sự, còn đối tượng bị xâm phạm trong Điều 263 là BMNN, tài liệu BMNN. Sự khác biệt về đối tượng bị xâm hại giúp chúng ta phân biệt tội danh giữa hai điều luật nói trên, đồng thời cũng là tiêu chí (dấu hiệu) quan trọng để xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án.

Hoặc hành vi cố ý làm lộ BMNN nhằm mục đích cung cấp cho nước ngoài hoặc cho người khác để sử dụng các tài liệu BMNN đó chống chính quyền nhân dân thì hành vi đó phạm tội "gián điệp" quy định tại Điều 80 BLHS.

Các hành vi mua bán, tiêu hủy trái phép hoặc chiếm đoạt tài liệu BMNN vì mục đích hoặc động cơ chống chính quyền nhân dân thì tùy theo mục đích hoặc động cơ đó là gì để có thể xác định tội danh tương ứng: Hành vi tiêu hủy tài liệu BMNN nhằm tiếp tay cho bọn phản động nước ngoài hoặc tổ chức phản động trong nước hoạt động chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa, chống phá nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì hành vi đó cấu thành tội "Phản bội Tổ quốc" quy định tại Điều 78 BLHS.

Thứ ba, phân công điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán có năng lực, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn để thụ lý điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Như đã phân tích ở trên, xác định tin, tài liệu, vật là BMNN trong các vụ án xâm phạm BMNN là vấn đề khó khăn và có nhiều quan điểm khác nhau trong định tội danh, bởi vì nhiều cơ quan, đơn vị khi phát hành tài liệu mật không xác định, đóng dấu độ mật hoặc đóng dấu độ mật cao hơn quy định. Do đó, đòi hỏi cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét

xử các vụ án xâm phạm BMNN phải là người có năng lực, kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này nhằm đảm bảo các vụ án xâm phạm BMNN được điều tra, truy tố, xét xử chính xác, đúng pháp luật, không để quá hạn luật định, tồn đọng, kéo dài; không xét xử oan hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, nâng cao nhận thức về năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN: Mỗi cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán phải luôn nắm vững, nhận thức, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và chức năng, nhiệm vụ của ngành mình. Việc nắm vững chức năng, nhiệm vụ giúp cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN xác định được mối liên hệ giữa quyền hạn và trách nhiệm khi thực thi nhiệm vụ; buộc những cán bộ này phải gắn trách nhiệm của ngành, cá nhân với công việc đang thực hiện. Mặt khác, việc nắm vững và nhận thức đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành công an, kiểm sát, tòa án không chỉ đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật hình sự về bảo vệ BMNN đều được phát hiện, xử lý kịp thời, góp phần đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa mà còn hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ BMNN và pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm BMNN. Ngoài ra, có được những yếu tố nêu trên sẽ giúp người cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN có những đề xuất, quyết định, áp dụng pháp luật đúng đắn, chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

Thứ năm, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN: Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là nguyên tắc cơ bản đã được ghi nhận trong Hiến pháp. Hoạt động của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cũng như các hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn cho thấy, nơi nào quán triệt đầy đủ, sâu sắc đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng; cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh thì nơi đó sẽ hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ. Vấn đề đặt ra là để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thì phải tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng trên phương diện đường lối, chủ trương, chính sách, không can thiệp sâu vào chuyên môn nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử, giúp cho quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Để hoạt động áp dụng pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN đúng hướng và chất lượng cao thì đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện bằng việc quán triệt, nắm vững, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng về công tác bảo vệ BMNN, Nghị quyết của cấp ủy Đảng về điều tra, xử lý, loại tội phạm này; đồng thời phải thường xuyên báo cáo tiến độ, kết quả điều tra để tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong thực hiện kế hoạch điều tra, giải quyết vụ án, đặc biệt là các vụ án xâm phạm BMNN đặc biệt nghiêm trọng, vụ án được dư luận quan tâm.

3.2.4. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần tăng cường công tác phối hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN, cụ thể:

Một là, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của BMNN, ý nghĩa của công tác bảo vệ BMNN đến toàn thể cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán để nâng cao nhận thức

cho đội ngũ cán bộ này về tầm quan trọng và nhiệm vụ bảo vệ BMNN trong tình hình hiện nay.

Hai là, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về mục đích, yêu cầu, nội dung và ý nghĩa của mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

Trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm BMNN, các hoạt động tố tụng được tiến hành bởi những người tiến hành tố tụng như điều tra viên, kiểm sát viên. Họ đều là những con người cụ thể nên không thể nằm ngoài sự tác động bởi những yếu tố chủ quan và khách quan. Đó là những yếu tố thuộc về trình độ, khả năng, kinh nghiệm, bản lĩnh, những yếu tố xã hội như môi trường sống, biến động của xã hội, tình hình tội phạm, sự suy thoái kinh tế... những yếu tố này đều ảnh hưởng nhất định, tác động đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, như: phiên diện, bảo thủ, thiên vị, quá coi trọng ý thức chủ quan... dẫn đến đánh giá chứng cứ không khách quan, làm sai lệch chứng cứ, sai lệch hồ sơ. Do đó, giai đoạn này phải có sự phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm BMNN; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Trong giai đoạn truy tố, xét xử, viện kiểm sát và tòa án phối hợp trao đổi giải quyết những khó khăn, vướng mắc trước khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Kiểm sát viên phối hợp với thẩm phán kiểm tra các tài liệu, chứng cứ, thủ tục tố tụng của vụ án nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đồng thời qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phối hợp, thống nhất kiến nghị với các Bộ, ngành liên quan về việc quản lý thông tin, tài liệu, quản lý mạng, lưu trữ BMNN... để phòng ngừa lộ, mất BMNN.

Ba là, nghiên cứu hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cho phù hợp và khoa học theo Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Theo đó, sắp xếp tinh gọn đầu mối cơ quan điều tra, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, không chồng chéo nhiệm vụ; thực hiện chủ trương tổ chức tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân theo cấp xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán đảm bảo sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong công tác phối hợp giữa 03 cơ quan này.

Bốn là, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân trong bảo vệ BMNN. Bộ Công an là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN cần chủ động tham mưu cho các Bộ, ngành, địa phương có biện pháp hữu hiệu để quản lý, sử dụng BMNN theo đúng quy định của pháp luật; có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN đối với các bộ, ngành, địa phương để kiến nghị khắc phục các sơ hở, thiếu sót trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ BMNN nhằm hạn chế thấp nhất lộ, mất BMNN. Tòa án nhân dân làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền kết quả xử lý, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN trên các phương tiện thông tin đại chúng để phòng ngừa, răn đe loại tội phạm này.

Năm là, ba ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án phải thường xuyên giao ban, họp liên ngành để tìm biện pháp thúc đẩy tiến độ giải quyết các vụ

án xâm phạm BMNN; giải quyết những vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của từng ngành trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; thường xuyên phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề về lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán nắm chắc kỹ năng, thao tác nghiệp vụ, phát huy khả năng, năng lực của mình. Thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để trau dồi kiến thức pháp lý, kỹ năng điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN.

3.2.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết là những công tác không thể thiếu trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Làm tốt công tác này góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng áp dụng pháp luật, trình độ chuyên môn của cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán; hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm. Để làm tốt những công tác này phải thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phải được tiến hành thường xuyên theo định kỳ, trong những trường hợp đặc biệt thì tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra cần kết hợp hướng dẫn nghiệp vụ cho các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán trực tiếp làm nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử. Công tác thanh tra, kiểm tra phải đáp ứng yêu cầu phát hiện những sai sót, tiêu cực trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Từ đó uốn nắn kịp thời, không để xảy ra sai phạm nghiêm trọng, nếu qua thanh tra, kiểm tra mà phát hiện sai phạm, cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán có biểu hiện tiêu cực, tha

hóa biến chất phải xác minh, làm rõ và xử lý nghiêm theo quy định nhằm đảm bảo cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN luôn đảm bảo tính pháp chế xã hội chủ nghĩa và yêu cầu nhiệm vụ của ngành công an, kiểm sát và tòa án. Các ngành công an, kiểm sát, tòa án cần cử những người có kinh nghiệm, nghiệp vụ điều tra, kiểm sát, xét xử vững vàng tham gia thanh tra, kiểm tra để phát hiện những sai phạm, thiếu sót. Khi phát hiện những sai phạm, thiếu sót cần làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể để khắc phục và rút kinh nghiệm và đề xuất hình thức xử lý phù hợp.

Bên cạnh đó, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải làm tốt công tác hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN cho các đơn vị cấp dưới. Việc hướng dẫn nghiệp vụ có thể tiến hành bằng các hình thức như thông qua thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn trực tiếp hoặc ban hành văn bản hướng dẫn hoặc thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị chuyên đề. Tài liệu hướng dẫn phải đảm bảo tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật của đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Trong những trường hợp cần thiết, 03 ngành công an, kiểm sát, tòa án có thể phối hợp ban hành văn bản liên ngành để hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị cấp dưới thuộc quyền quản lý của từng ngành.

Thứ hai, công tác sơ kết hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN cần được tiến hành theo định kỳ một năm một lần; công tác tổng kết cần tiến hành theo định kỳ năm năm một lần. Qua sơ kết, tổng kết phải đánh giá được thực trạng, đúc rút những bài học kinh nghiệm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nhằm phát huy những mặt tích cực trong từng hoạt động. Đồng thời phải

chỉ ra được những hạn chế, thiếu sót, sai phạm, nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót để quán triệt cho đội ngũ cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán. Trên cơ sở kết quả sơ kết, tổng kết hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN, 03 ngành công an, kiểm sát, tòa án phải có những kiến nghị, đề xuất và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm BMNN, pháp luật về bảo vệ BMNN và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN.

Bên cạnh đó, thông qua công tác sơ kết, tổng kết, 03 ngành công an, kiểm sát, tòa án nghiên cứu, bổ sung lý luận về BMNN, bảo vệ BMNN, các tội xâm phạm BMNN trong BLHS; hoàn thiện cơ chế quản lý tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án các cấp; đổi mới, kiện toàn tổ chức, hoạt động của 03 ngành này để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN.

3.2.6. Nâng cao vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các phương tiện truyền thông đại chúng trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ “*tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp*” [1]; theo quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*” [21]. Theo đó, tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch của hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án. Mặt khác, tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cơ quan dân cử và của toàn xã hội đối với công tác

đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, tránh sự lạm quyền, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Hoạt động giải quyết các vụ án hình sự nói chung, giải quyết các vụ án xâm phạm BMNN nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng lớn đến uy tín của Nhà nước, của các cơ quan tiến hành tố tụng trước nhân dân. Nếu Mặt trận Tổ quốc và nhân dân phát huy tốt vai trò giám sát đối với hoạt động áp dụng pháp luật về bảo vệ BMNN thì không những góp phần khắc phục mà còn có thể ngăn chặn được tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án xâm phạm BMNN.

Bên cạnh vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì giám sát hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN của phương tiện truyền thông đại chúng cũng rất quan trọng. Phương tiện truyền thông đại chúng có thể mạnh tuyệt đối trong việc nêu vấn đề, đưa ra ánh sáng dư luận những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đối với hoạt động áp dụng pháp luật về bảo vệ BMNN, tăng cường sự giám sát của phương tiện truyền thông đại chúng sẽ góp phần hạn chế hiện tượng tiêu cực trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Biểu hiện của phương tiện truyền thông đại chúng là hiệu ứng xã hội, đặc biệt là việc định hướng dư luận trong việc đưa, tiếp nhận thông tin. Khi thực hiện vai trò giám sát, phương tiện truyền thông đại chúng có tác động tích cực đến hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN của các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán; các chủ thể tiến hành tố tụng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, công minh, khách quan trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Nếu phát hiện vi phạm trong quá trình giám sát, hành vi của họ sẽ được đưa trên các trang báo, đài phát thanh, truyền hình... ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, giảm lòng tin của quần chúng nhân

dân vào cơ quan công lý. Vì vậy, tăng cường sự giám sát của phương tiện truyền thông đại chúng là một trong những giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa, hạn chế tiêu cực, sai sót trong hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN góp phần đảm bảo mọi hành vi xâm phạm BMNN đều được phát hiện, điều tra, làm rõ và xử lý nghiêm minh.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, ngành Tòa án ít thụ lý và xét xử các vụ án theo Điều 263 và Điều 264 BLHS. Điều đó không có nghĩa là các hành vi phạm tội không xảy ra và việc các Tòa án ít xét xử các vụ án xâm phạm BMNN cũng không phải là căn cứ để đánh giá tình hình tội phạm này không có. Các hành vi xâm phạm đến BMNN được coi là tội phạm quy định tại các Điều 263, 264 BLHS với khung hình phạt rất nghiêm khắc, đặc biệt đối với hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành, áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN vẫn nảy sinh một số vướng mắc, bất cập, như: chưa quy định cụ thể mặt khách quan trong cấu thành tội phạm cụ thể; quyết định hình phạt đối với trường hợp có tình tiết tăng nặng định khung, áp dụng hình phạt bổ sung... những vướng mắc, bất cập này phần nào chưa kiểm soát được tình hình tội phạm xâm phạm BMNN, chưa hạn chế được lộ, mất BMNN mặc dù Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác này.

Để khắc phục tình trạng trên và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN; nâng cao chất lượng áp dụng các quy định của BLHS trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN, tác giả luận văn đã sử dụng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu, tiếp thu những kết quả, thành tựu nghiên cứu của các tác giả thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN; so sánh, đối chiếu những tài liệu, sách chuyên khảo để phân tích, đánh giá các quy định của Luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm BMNN và thực tiễn áp dụng. Từ đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Luận văn đã tập trung vào các vấn đề sau:

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về BMNN; các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm BMNN.

Tập trung phân tích thực trạng áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN trong mười năm (từ năm 2004 đến năm 2014). Tác giả đã chú ý phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, thiếu sót và những quan điểm khác nhau trong định tội danh; đồng thời đưa ra một số quy định của BLHS gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra hai nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN; bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các phương tiện truyền thông đại chúng trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN. Thực hiện tốt những giải pháp này sẽ góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hạn chế được những vi phạm nảy sinh trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm BMNN.

Những kết quả đạt được của luận văn, ngoài sự nỗ lực của bản thân tác giả còn có sự giúp đỡ của các giảng viên, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong ngành Công an và đặc biệt là sự giúp đỡ đầy trách nhiệm của thầy hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng nghiên cứu, biên tập của tác giả nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy, cô để luận văn được hoàn thiện./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2011), *Báo cáo tổng kết công tác thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 trong lực lượng Công an nhân dân (2000-2011)*, Bộ Công an.
4. Bộ Công an (2012), *Các quy định của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về bảo vệ BMNN*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2012), *Các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo vệ BMNN*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2014), *Báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Ủy ban Quốc phòng và An ninh (Quốc hội khóa XIII) giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ BMNN từ năm 2000 đến nay*, Bộ Công an.
7. Chính phủ (2002), *Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ BMNN*, Hà Nội.
8. Chủ tịch nước (1950), *Sắc lệnh số 154/SL ngày 17/11 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Hà Nội.
9. Chủ tịch nước (1951), *Sắc lệnh số 69/SL ngày 10/12 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Hà Nội.
10. Chủ tịch nước (1953), *Sắc lệnh số 133/SL ngày 10/01 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Hà Nội.
11. Công an thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo sơ kết tình hình, công tác bảo vệ BMNN năm 2013*, Hà Nội.

12. Cục Tham mưu, Tổng cục II, Bộ Công an (2014), *Báo cáo thực trạng và giải pháp phòng ngừa lộ, mất BMNN*, Cục Tham mưu.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Đặng Văn Đoài (2009), *Công tác bảo vệ BMNN của lực lượng An ninh - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Tp. Hồ Chí Minh
15. Đặng Văn Đoài (2012), “Xây dựng lý luận về bảo vệ BMNN trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (2), tr. 22-25.
16. Hội đồng Chính phủ (1962), *Nghị định số 69-CP ngày 14/6 của Hội đồng Chính phủ quy định những vấn đề thuộc phạm vi bí mật của nhà nước và trách nhiệm trong việc giữ gìn bí mật của nhà nước*, Hà Nội.
17. Ma Văn Kỳ (2011), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong lực lượng Công an nhân dân*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
18. Mai Tùng Lâm (2012), *Công tác bảo vệ BMNN của lực lượng An ninh trong lĩnh vực an ninh truyền thông*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Hà Nội.
19. Mai Tùng Lâm (2013), “Về khái niệm bí mật quốc gia, BMNN trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992”, *Tạp chí Cộng sản*.
20. Nguyễn Quang Lộc (2013), “Xét xử các vụ án liên quan đến xâm phạm BMNN”, *diễn đàn trao đổi nghiệp vụ*.
21. Đặng Thị Hồng Nhung (2014), *Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN trong lực lượng Công an nhân dân - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Hà Nội.
22. Hoàng Phê (2007), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Đà Nẵng.
23. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 21/02 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong tình hình mới*, Hà Nội.
27. Vũ Trọng Thường (2012), “Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án làm lộ BMNN”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (2), tr. 83-85.
28. Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ BMNN*, Tòa án nhân dân tối cao.
29. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Thống kê thụ lý và giải quyết sơ thẩm các vụ án liên quan đến lộ, lọt BMNN*, Hà Nội.
30. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
31. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1991), *Pháp lệnh Bảo vệ BMNN*, Hà Nội.
32. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2000), *Pháp lệnh Bảo vệ BMNN*, Hà Nội.
33. Đỗ Hữu Vần (2005), *Giải pháp của lực lượng An ninh nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong lĩnh vực kinh tế trọng điểm ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2004

Điều	Tội phạm	Số án phải xét xử						Số án đã giải quyết							
		Cũ còn lại		Mới thụ lý		Tổng cộng		Đình chỉ xét xử		Hoàn lại VKS		Đã xử		Còn lại	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	04	17	04	17	0	0	01	03	01	04	02	10
Tổng cộng				04	17					01	03	01	04	02	10

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.2: Thống kê số bị cáo đã xử năm 2004

Điều	Tội phạm	Phân tích số bị cáo đã xử theo quyết định của tòa án											
		Không có tội	Miễn TNHS hoặc hình phạt	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo hoặc không giam giữ	Án treo	Từ 07 năm trở xuống	Từ 07 năm đến 10 năm	Từ 10 năm đến 15 năm	Từ 15 năm đến 20 năm	Kèm theo hình phạt bổ sung	
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	03	01	0	0	0	0	0	
Tổng cộng						03	01						

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.3: Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2004

Điều	Tội phạm	Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử										
		Cán bộ công chức	Cán bộ lãnh đạo		Đảng viên		Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ 18 đến 30 tuổi	Người chưa thành niên	Người nước ngoài
			Cao cấp	Trung cấp	Đảng viên thường	Cấp ủy						
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng												

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.4: Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2005-2006

Điều	Tội phạm	Số án phải xét xử						Số án đã giải quyết							
		Cũ còn lại		Mới thụ lý		Tổng cộng		Đình chỉ xét xử		Hoàn lại VKS		Đã xử		Còn lại	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
263	Cố ý làm lộ BMNN...	02	10	39	52	41	62	0	0	03	11	38	51	0	0
Tổng cộng		02	10	39	52	41	62			03	11	38	51		

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.5: Thống kê số bị cáo đã xử năm 2005-2006

Điều	Tội phạm	Phân tích số bị cáo đã xử theo quyết định của tòa án											
		Không có tội	Miễn TNHS hoặc hình phạt	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù 03 năm trở xuống	Tù 03 năm đến 07 năm	Tù 07 năm đến 10 năm	Tù 10 năm đến 15 năm	Kèm theo hình phạt bổ sung	
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	04	0	0	03	13	22	9	0	0	0	
Tổng cộng			04			03	13	22	9				

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.6: Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2005-2006

Điều	Tội phạm	Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử										
		Cán bộ công chức	Cán bộ lãnh đạo		Đảng viên		Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 16 đến 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi	Ngược nước ngoài
			Cao cấp	Trung cấp	Đảng viên thường	Cấp ủy						
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	0	04	01	07	0
Tổng cộng									04	01	07	

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.7: Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2007-2010

Điều	Tội phạm	Số án phải xét xử						Số án đã giải quyết							
		Cũ còn lại		Mới thụ lý		Tổng cộng		Đình chỉ xét xử		Hoàn lại VKS		Đã xử		Còn lại	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	11	27	11	27	0	0	01	01	10	26	0	0
264	Vô ý làm lộ BMNN...			01	01	01	01	0	0	0	0	01	01	0	0
Tổng cộng				12	28	12	28			01	01	11	27		

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.8: Thống kê số bị cáo đã xử năm 2007-2010

Điều	Tội phạm	Phân tích số bị cáo đã xử theo quyết định của tòa án										
		Không có tội	Miễn TNHS hoặc hình phạt	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù 03 năm trở xuống	Tù 03 năm đến 07 năm	Tù 07 năm đến 10 năm	Tù 10 năm đến 15 năm	Kèm theo hình phạt bổ sung
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	11	12	03	0	0	01
264	Vô ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0
Tổng cộng							11	12	03			01

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.9: Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2007-2010

Điều	Tội phạm	Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử										
		Cán bộ công chức	Cán bộ lãnh đạo		Đảng viên		Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 16 đến 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi	Ngược nước ngoài
			Cao cấp	Trung cấp	Đảng viên thường	Cấp ủy						
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	01	02	0	07	0
264	Vô ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng								01	02		07	

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.10: Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự năm 2011-2014

Điều	Tội phạm	Số án phải xét xử						Số án đã giải quyết							
		Cũ còn lại		Mới thụ lý		Tổng cộng		Đình chỉ xét xử		Hoàn lại VKS		Đã xử		Còn lại	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	09	16	09	16	0	0	05	10	04	06	0	0
Tổng cộng				09	16	09	16			05	10	04	06		

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.11: Thống kê số bị cáo đã xử năm 2011-2014

Điều	Tội phạm	Phân tích số bị cáo đã xử theo quyết định của tòa án											
		Không có tội	Miễn TNHS hoặc hình phạt	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù 03 năm	Tù 03 năm trở xuống	Tù 03 năm đến 07 năm	Tù 07 năm đến 10 năm	Tù 10 năm đến 15 năm	Kèm theo hình phạt bổ sung
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	02	04	0	0	0	0
Tổng cộng								02	04				

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.12: Thống kê đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử năm 2011-2014

Điều	Tội phạm	Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử										
		Cán bộ công chức	Cán bộ lãnh đạo		Đảng viên		Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 16 đến 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi	Ngược nước ngoài
			Cao cấp	Trung cấp	Đảng viên thường	Cấp ủy						
263	Cố ý làm lộ BMNN...	0	0	0	0	0	0	01	0	0	01	01
Tổng cộng											01	01

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)